

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

*(Ban hành theo Quyết định số 2786/QĐ-ĐHV ngày 25/11/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Mã số ngành đào tạo: 7140205

Nghệ An, 2022

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT.....	3
DANH SÁCH BẢNG	4
DANH SÁCH HÌNH	4
PHẦN 1. MỞ ĐẦU.....	Error! Bookmark not defined.
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	10
2.1. Thông tin chung	
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp	
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	
2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập.....	
2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá.....	
2.8. Đối sánh chương trình đào tạo	
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học.....	
3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	
3.4. Kế hoạch giảng dạy	
3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học	
3.6. Ma trận kỹ năng	
PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	24
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	31
PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	76
PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN.....	79
PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	87
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CĐR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN	89

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
PO	Mục tiêu chương trình đào tạo
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
CO	Mục tiêu học phần
CLO	Chuẩn đầu ra học phần
LLO	Chuẩn đầu ra bài học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GDCT	Giáo dục Chính trị

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	11
Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập.....	14
Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT	15
Bảng 3.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH tới CDR của CTĐT	24
Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT	25
Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH.....	27
Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần	

DANH SÁCH HÌNH

Hình 3.1. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học.....	29
Hình 3.2. Ma trận kỹ năng	30

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

1.1. Giới thiệu tổng quan về Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh được hình thành và phát triển trong chiều dài hơn 62 năm (1959-2022) với những thành tựu vẻ vang và tự hào của các thế hệ thầy giáo, cô giáo, các thế hệ người học.

Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Địa chỉ: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 02383.855.452; Fax: 02383.855269

E-mail: vinhuni@hn.vnn.vn Website: www.vinhuni.edu.vn

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục cách mạng Việt Nam. Ba năm sau đó, ngày 28/8/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định bước phát triển của Nhà trường trong xu thế hội nhập. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng Chính phủ đã có Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Với những thành tựu quan trọng của nhà trường đã thể hiện sự phấn đấu liên tục, bền bỉ, sáng tạo, tự chủ của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, viên chức, học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường. Những thành quả đó khẳng định uy tín và vị thế của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam được Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục và Đào tạo ghi nhận và đánh giá cao.

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ GD&ĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng. Trường Đại học Vinh xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành, đa cấp; đẩy mạnh NCKH - công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013), để phù hợp với xu hướng phát triển của đất nước, Trường đã xác định sứ mạng: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn

nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế. *(Quyết nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường ngày 01/12/2021)*

Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đa ngành, đa lĩnh vực. Sản phẩm giáo dục đào tạo của Nhà trường đạt trình độ cao và được các nhà tuyển dụng đón nhận cũng như được xã hội thừa nhận. Với một bề dày lịch sử và truyền thống hơn 62 năm trong giáo dục đào tạo lĩnh vực sư phạm có uy tín nhất cả nước cũng như trong công tác NCKH cơ bản, khoa học giáo dục thì Trường Đại học Vinh phải là đầu tàu và có sứ mệnh dẫn dắt sự phát triển của hệ thống giáo dục khu vực Bắc Trung Bộ. Bên cạnh đó, trong quá trình phát triển, Trường Đại học Vinh đã cho thấy sự đổi mới, thích ứng với thế giới việc làm, đổi mới thích ứng với quá trình chuyển đổi công nghệ số và sáng tạo trong quá trình quản lý, điều hành; trong giáo dục đào tạo; trong NCKH và phục vụ cộng đồng, vì vậy Trường Đại học Vinh phải là Trung tâm đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Về Tầm nhìn chiến lược là: Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, xếp hạng top 1.000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045. *(Quyết nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường ngày 01/12/2021).*

Với sứ mạng là trung tâm đổi mới sáng tạo, Nhà trường đặt ra mục tiêu lý tưởng cho lộ trình 10 năm tới là xây dựng Trường Đại học Vinh trở thành Đại học thông minh. Đại học thông minh là một khái niệm liên quan đến việc hiện đại hóa toàn diện mọi quá trình giáo dục, đó là nơi chia sẻ kiến thức một cách liền mạch và là một hệ thống xanh, mạnh mẽ, được cá nhân hóa, có trách nhiệm, tương tác và thích nghi, cũng như có thể truy cập mọi nơi, mọi lúc và từ mọi thiết bị. Đặc trưng của đại học thông minh là được hỗ trợ bằng công nghệ thông minh, sử dụng các công cụ thông minh và thiết bị thông minh (*điển hình là thiết bị di động thông minh*), mạng thế hệ mới, các ứng dụng phần mềm tương tác cao.

Lộ trình của tầm nhìn này được tạo dựng trên cơ sở khi nhà trường đang hoàn thiện hệ thống quản trị hiện đại, ứng dụng phần mềm thông minh và công nghệ số trong quá trình quản lý điều hành và sự nghiệp giáo dục đào tạo của mình. Nhà trường đã xác định các nhiệm vụ sẽ phải thực hiện để trở thành Đại học thông minh gồm 8 lĩnh vực:

1. Smart Campus : Khuôn viên thông minh
2. Smart People : Người học thông minh
3. Smart Education : Giáo dục thông minh

- 4. Smart Research : Nghiên cứu thông minh
- 5. Smart Quality : Chất lượng thông minh
- 6. Smart Recruitment : Nhân lực thông minh
- 7. Smart Governance : Quản trị thông minh
- 8. Smart Influence : Ảnh hưởng thông minh

Bên cạnh đó, với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ cao, sản phẩm đầu ra đạt chất lượng đáp ứng tốt với thị trường lao động, có mạng lưới hợp tác phát triển rộng khắp trong nước và nước ngoài, nhà trường có căn cứ và động lực để phấn đấu xếp hạng top 500 đại học hàng đầu Châu Á (*bảng xếp hạng QS Asia - xếp hạng các trường đại học Châu Á dựa vào các chỉ số liên quan đến uy tín của cơ sở giáo dục trong thế giới việc làm và môi trường học thuật*). Đồng thời, về Triết lý giáo dục, Trường xác định: “*Hợp tác – Sáng tạo*” trên nhiều phương diện để thúc đẩy sự phát triển không ngừng của Trường Đại học Vinh, nâng tầm vị thế của Trường *trong thời đại cất cánh*.

1.2. Giới thiệu về Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Trường Sư phạm trực thuộc Trường Đại học Vinh được thành lập theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 21/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập, tổ chức lại các đơn vị: Viện Sư phạm Tự nhiên, Viện Sư phạm xã hội, Khoa Giáo dục, Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm. Trường Sư phạm bao gồm các khoa đào tạo: Khoa Toán, Khoa Vật lý, Khoa Hóa học, Khoa Sinh học, Khoa Tin học, Khoa Ngữ văn, Khoa Lịch sử, Khoa Địa lý, Khoa Giáo dục Chính trị, Khoa Giáo dục Mầm non, Khoa Giáo dục Tiểu học, Khoa Tâm lý - Giáo dục và 1 trung tâm là Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm. Chức năng chính của Trường Sư phạm là đào tạo trình độ đại học và sau đại học các ngành đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cho các bậc học và nhân lực chuyên môn nghiệp vụ khác cho ngành giáo dục. Việc thành lập Trường Sư phạm cũng nhằm cải tiến mô hình đào tạo giáo viên từ năm 2021, phát triển hơn nữa ngành sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, giữ vững thương hiệu đào tạo sư phạm, khẳng định vị thế của Trường Đại học Vinh trong lĩnh vực đào tạo sư phạm, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, kỹ năng thực hành sư phạm cho sinh viên, đưa chương trình đào tạo của nhà trường đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục đại học Việt Nam, ngang tầm với khu vực và quốc tế.

Khoa Giáo dục Chính trị thuộc Trường Đại học Vinh được thành lập năm 1986, đến nay thuộc Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh. Trải qua hơn 35 năm xây dựng và phát triển, ngành Giáo dục Chính trị đã đào tạo hàng ngàn cử nhân. Nhiều thế hệ học viên, sinh

viên tốt nghiệp đóng góp to lớn cho sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước. Các thế hệ sinh viên ra trường rất tự tin, khẳng định bản lĩnh và trưởng thành trên nhiều cương vị công tác khác nhau. Ngành đã đào tạo ra nhiều thế hệ sinh viên, học viên làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, giảng viên trong các Học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp và giáo viên các trường phổ thông... Nhiều cựu sinh viên của ngành GDCT đã có học hàm, học vị cao và giữ vai trò cán bộ quản lý, lãnh đạo chủ chốt tại nhiều cơ quan, đơn vị, những giáo viên giỏi ở khắp mọi miền tổ quốc góp phần xây dựng Trường Đại học Vinh trở thành một địa chỉ tin cậy, nơi tạo dựng tương lai của biết bao thế hệ sinh viên, học viên, khẳng định thương hiệu của ngành GDCT.

Những kết quả đó đã minh chứng sáng rõ cho sự thành công của Chương trình đào tạo và sự nỗ lực của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị trong quá trình lập thân, lập nghiệp. Trong giai đoạn mới, bối cảnh mới, cùng sự chuyển mình mạnh mẽ, vươn lên của Trường Đại học Vinh, khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm quyết tâm nỗ lực không ngừng để đạt nhiều thành công hơn nữa. Hiện nay, Khoa GDCT không chỉ đào tạo cử nhân GDCT mà còn đào tạo học viên cao học của chuyên ngành Lý luận và PPDH bộ môn Giáo dục Chính trị. Bên cạnh đó, Khoa còn đảm nhận công tác bồi dưỡng giáo viên, NCKH trong lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, hợp tác quốc tế và các hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương và trong cả nước.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung chương trình đào tạo để phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Vinh. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường và cơ bản đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT được xác định sáng rõ, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT đã nêu được cụ thể về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp để hình thành nên năng lực và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hằng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin giảng viên, mô tả học phần, nội dung giảng dạy học phần, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung

các môn học/học phần, danh mục tài liệu hằng năm. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Chương trình đào tạo ngành GDCT Trường Đại học Vinh bao gồm khối kiến thức đại cương, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành thuộc lĩnh vực Chính trị và khoa học giáo dục phù hợp với chương trình đào tạo tiếp cận CDIO. Ngoài ra chương trình ngành GDCT còn có nhiều học phần giúp SV rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm. Các học phần được thiết kế đa dạng theo hướng cung cấp kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập; có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CDR. Chương trình được thiết kế đáp ứng các CDR ngành GDCT; được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan.

Để thực hiện được CTĐT đó, Khoa GDCT coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Khoa GDCT đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong công tác. Khoa đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng tốt và xuất sắc. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao. Bên cạnh đó, Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường Đại học Vinh ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành GDCT và hoạt động NCKH. Nhà trường đã thành lập Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, nhất là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin trong công tác quản lý, hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện môi trường học tập tốt nhất cho người học.

Để học tốt chương trình đào tạo ngành GDCT, sinh viên cần: Xây dựng kế hoạch học tập khoa học, phát huy tự học; Học qua Hệ thống E-learning, sử dụng hệ thống LMS; Thực hành thường xuyên để sử dụng thành thạo thư viện điện tử; Hình thành các kỹ năng tự học, làm việc nhóm; Chủ động tìm kiếm thông tin, khai thác các mạng dữ liệu, không gian mạng, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quá trình học tập.

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ Political Science Education
2.	Mã số ngành đào tạo:	7140205
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Giáo dục Chính trị
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm
7.	Hình thức đào tạo:	Chính quy - Tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126
9.	Thang điểm:	
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị nhằm đào tạo giáo viên có: kiến thức nền tảng và nâng cao về khoa học xã hội, khoa học giáo dục, chính trị, kinh tế và pháp luật; có năng lực tổ chức dạy học, giáo dục và phát triển chương trình môn Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông; giảng dạy các môn Lý luận chính trị; có năng lực nghiên cứu, sáng tạo để nâng cao trình độ, phát triển bản thân đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

PO1.	Áp dụng các kiến thức nền tảng và nâng cao về khoa học xã hội, khoa học giáo dục, chính trị, kinh tế và pháp luật vào lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy học môn Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật, các môn Lý luận chính trị;
PO2.	Áp dụng được các kỹ năng; thể hiện được phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động giáo dục và dạy học môn Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật, các môn Lý luận chính trị; hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành;
PO3.	Thực hiện được các kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm và giao tiếp trong các hoạt động nghề nghiệp;
PO4.	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, phát triển các hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình và nghiên cứu khoa học chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công việc và bồi dưỡng nghề nghiệp.

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CDR	Mô tả Chuẩn đầu ra
PLO1.1.	Áp dụng kiến thức nền tảng khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội – nhân văn vào các hoạt động giáo dục, dạy học môn học và nghiên cứu khoa học
PLO1.2.	Áp dụng kiến thức cơ bản và nâng cao về chính trị, kinh tế và pháp luật vào hoạt động giáo dục, dạy học môn học và các công việc có ứng dụng khoa học chuyên ngành
PLO1.3.	Áp dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về khoa học giáo dục và dạy học chuyên ngành vào hoạt động nghề nghiệp
PLO2.1.	Áp dụng các kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp vào các hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
PLO2.2.	Thể hiện phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục, dạy học, nghiên cứu khoa học chuyên ngành
PLO3.1.	Thực hiện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
PLO3.2.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
PLO4.1.	Phân tích bối cảnh xã hội, nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên môn Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật
PLO4.2.	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục; phát triển chương trình môn Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được mô tả trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
PO1	✓	✓	✓						
PO2				✓	✓				
PO3						✓	✓		
PO4								✓	✓

- **Chuẩn đầu ra chi tiết của CTĐT**

[Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo - Cấp 3]

CDR	Mô tả Chuẩn đầu ra
PLO1.1.	Áp dụng kiến thức nền tảng khoa học chính trị, pháp luật và khoa học xã hội – nhân văn vào các hoạt động giáo dục, dạy học môn học và nghiên cứu khoa học
1.1.1.	Áp dụng kiến thức về chính trị và pháp luật

1.1.2.	Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn
PLO1.2.	Áp dụng kiến thức cơ bản và nâng cao về chính trị, kinh tế và pháp luật vào hoạt động giáo dục, dạy học môn học và các công việc có ứng dụng khoa học chuyên ngành
1.2.1.	Áp dụng kiến thức cơ bản và nâng cao về chính trị
1.2.2.	Áp dụng kiến thức cơ bản và nâng cao về kinh tế
1.2.3.	Áp dụng kiến thức cơ bản và nâng cao về pháp luật
PLO1.3.	Áp dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về khoa học giáo dục và dạy học chuyên ngành vào hoạt động nghề nghiệp
1.3.1.	Áp dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về khoa học giáo dục
1.3.2.	Áp dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về dạy học, kiểm tra đánh giá, phát triển chương trình môn Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật vào hoạt động nghề nghiệp
PLO2.1.	Áp dụng các kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp vào các hoạt động giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
2.1.1.	Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề và sáng tạo
2.1.2.	Thể hiện kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực
2.1.3.	Áp dụng kỹ năng sử dụng công nghệ
2.1.4.	Áp dụng kỹ năng giáo dục để rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh và xây dựng môi trường giáo dục
PLO2.2.	Thể hiện phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục, dạy học, nghiên cứu khoa học chuyên ngành
2.2.1.	Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức nhà giáo
2.2.2.	Thể hiện phong cách nhà giáo
PLO3.1.	Thực hiện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
3.1.1.	Thực hiện kỹ năng hợp tác trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
3.1.2.	Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
PLO3.2.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
3.2.1.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức
3.2.2.	Thực hiện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cơ bản (bậc 3.6)
PLO4.1.	Phân tích bối cảnh xã hội, nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên môn Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật
4.1.1.	Phân tích bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông để thực hiện quyền dân chủ và môi trường giáo dục thân thiện trong trường học, xây dựng văn hóa nhà trường
4.1.2.	Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật để phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh
PLO4.2.	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục; phát triển chương trình môn Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.
4.2.1.	Hình thành ý tưởng về hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch, nội dung, công cụ/thiết bị/phương tiện/tài liệu, phương pháp, kiểm tra – đánh giá), phát triển chương trình và nghiên cứu khoa học chuyên ngành

4.2.2.	Thiết kế hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch, nội dung, công cụ/thiết bị/phương tiện/tài liệu, phương pháp, kiểm tra – đánh giá), phát triển chương trình và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
4.2.3.	Triển khai thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch, nội dung, công cụ/thiết bị/phương tiện/tài liệu, phương pháp, kiểm tra – đánh giá), phát triển chương trình và nghiên cứu khoa học chuyên ngành
4.2.4.	Cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch, nội dung, công cụ/thiết bị/phương tiện/tài liệu, phương pháp, kiểm tra – đánh giá), phát triển chương trình và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Chính trị có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- ❖ Giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật tại các trường THPT.
- ❖ Giảng dạy môn Giáo dục công dân tại các trường THCS.
- ❖ Giảng dạy các môn Lý luận Chính trị tại các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị; các trường cao đẳng, dạy nghề trong cả nước.
- ❖ Làm việc trong các cơ quan quản lý giáo dục – đào tạo; các cơ quan, đoàn thể, tổ chức trong hệ thống chính trị.
- ❖ Cán bộ nghiên cứu chuyên sâu ở các Viện, Trung tâm, phòng ban nghiên cứu về chính trị, giáo dục chính trị.
- ❖ Có cơ hội học tiếp các chương trình thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành: Lý luận và PPDH bộ môn Giáo dục Chính trị, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Xây dựng Đảng, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị,...

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp kỳ thi THPT Quốc gia
- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; yêu cầu của nhà trường/khoa đào tạo.

Hình thức tuyển sinh và điều kiện nhập học tuân theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường Đại học Vinh, trong đó ngành Giáo dục Chính trị có các hình thức: Xét học bạ; lấy kết quả thi trung học phổ thông quốc gia và xét theo các tổ hợp sau:

- ✓ **C00 : Văn - Sử - Địa**
- ✓ **D66: Văn, Giáo dục công dân, Tiếng Anh**
- ✓ **C19: Văn - Địa - Giáo dục công dân**
- ✓ **C20: Văn - Sử - Giáo dục công dân**

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, đặc biệt là văn bản cụ thể hóa quy chế trên của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- a) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ của CTĐT theo quy định;
- c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh, chứng chỉ Giáo dục thể chất;
- e) Đạt chuẩn đầu ra về Công nghệ thông tin, Ngoại ngữ và Kỹ năng mềm theo quy định;
- g) Hoàn thành nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định;
- h) Đối với trường hợp sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn phải có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp (theo mẫu) gửi Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường (*qua phòng Đào tạo*).

2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	
Thuyết trình	✓	✓	✓							
Hướng dẫn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Tự học	✓	✓	✓					✓	✓	
Thảo luận	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Dạy học theo Đồ án	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Dạy học thực hành	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	

Các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học được sử dụng là:

+ *Phương pháp thuyết trình*: Đây là một phương pháp dạy học cơ bản nhất ở đại học. Ở phương pháp này, giảng viên ngành GDCT đã kết hợp với nhiều PPDH khác để phát huy được tính tích cực, chủ động học tập của sinh viên thông qua việc đặt câu hỏi dẫn dắt khi diễn giải, lập luận, phân tích các nội dung, vấn đề học phần.

+ *Phương pháp vấn đáp - gợi mở*: Giảng viên không trực tiếp đưa ra những kiến thức ở dạng hoàn chỉnh mà hướng dẫn sinh viên tư duy từng bước một để các em tự tìm ra những kiến thức mới phải học, thông qua việc khéo léo đặt câu hỏi dẫn dắt sinh viên rút ra những kết luận mới, những tri thức mới.

+ *Phương pháp giải thích - minh họa*: Giảng viên kết hợp giữa lời nói và hình ảnh trực quan để giải thích, thông báo, truyền thụ tri thức, kỹ năng giúp sinh viên hứng thú trong học tập, ghi nhớ sâu, vận dụng tốt các kiến thức, kỹ năng được học vào giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

+ *Ôn tập, củng cố*: Đây là hình thức tổ chức dạy học cơ bản, với mục đích củng cố, đào sâu, mở rộng tri thức, rèn cho sinh viên những kỹ năng, kỹ xảo vận dụng tri thức đã học dưới các hình thức: làm bài tập tự luận, thảo luận...

+ *Dạy học hợp tác nhóm*: Giảng viên sử dụng các kỹ thuật dạy học hợp tác nhóm, đặc biệt là theo nhóm nhỏ. Giảng viên cụ thể hóa mục tiêu bài học thành các nhiệm vụ cho từng nhóm giảng viên. Giảng viên quan sát sự tham gia tích cực đóng góp ý kiến của các cá nhân, biểu hiện thân thiện ủng hộ, chấp nhận ý kiến của các thành viên, việc điều hành công việc, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên.

+ *Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề*: Giảng viên đặt trước sinh viên những vấn đề nhận thức - học tập có chứa mâu thuẫn giữa cái đã cho và cái cần tìm, cần liên hệ đưa sinh viên vào tình huống có vấn đề như vấn đề của lý luận chính trị cơ bản, kiến thức chuyên sâu và nâng cao về phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật tạo cho sinh viên nhu cầu giải quyết vấn đề. Hướng dẫn hoạt động tìm kiếm và tiếp thu tri thức mới bằng con đường giải quyết (tự lực hay tập thể) vấn đề học tập một cách sáng tạo.

+ *Phương pháp dạy học theo dự án*: Đây là phương pháp dạy học tích cực, kích thích động cơ, hứng thú học tập của người học, phát huy tính độc lập, sáng tạo. Thực hiện một dự án học tập giúp người học rèn luyện năng lực theo làm việc theo nhóm, vận dụng kiến thức lý thuyết, năng lực thiết kế, tổ chức, năng lực đánh giá, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin. Cùng với dạng dạy học dự án đó là triển khai các đề tài *Nghiên cứu khoa học*. Đây là hình thức tổ chức dạy học bắt buộc đối với sinh viên, trong đó sinh viên bước đầu vận dụng một cách tổng hợp những tri thức đã học về nghề nghiệp tương lai của mình để tiến hành hoạt động nhận thức có tính chất nghiên cứu, bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn nghề nghiệp đặt ra. Trên cơ sở đó, có thể đào sâu, mở rộng và hoàn thiện vốn hiểu biết của họ. Đối với CTĐT, nghiên cứu khoa học được sinh viên thực hiện trong lĩnh vực Lý luận chính trị, Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

+ *Trải nghiệm*: Sinh viên được trải nghiệm các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp của mình như thực tế phổ thông, thực hành dạy học, thực tập sư phạm.

+ *Tự học*: Đây là hoạt động tự giác, có mục đích của cá nhân sinh viên, là sự huy động ở mức cao nhất tiềm năng trí tuệ, tình cảm và ý chí cá nhân để chiếm lĩnh kiến thức. Tự học có thể diễn ra ở trong lớp học và ngoài lớp học, có quan hệ chặt chẽ với hoạt động dạy học. Giảng viên ngành GDCT có thể hỗ trợ sinh viên tự học bằng nhiều phương thức khác nhau, đặc biệt thông qua hệ thống LMS, qua nhóm lớp trên Team, email...

2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo								
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Ý thức và thái độ học tập	Hồ sơ học tập	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Hoạt động nhóm	Rubrics	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thi trắc nghiệm khách quan	Ngân hàng câu hỏi	✓	✓	✓						
Bài tập tự luận/ thảo luận	Đáp án/ Rubrics	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thi tự luận	Đáp án	✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓
Dự án/Đồ án	Rubrics	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Vinh (*Ban hành kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-DHV ngày 09 tháng 09 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh*).

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra, phù hợp với CTĐT tiếp cận CDIO, tương thích với hình thức tổ chức dạy học kết hợp. Đánh giá việc học tập của sinh viên về chuyên cần, thái độ học tập; kiến thức tổng hợp, chuyên ngành; các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, các kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống.

***Thang điểm chung và các thành phần đánh giá (đối với các học phần/ có sự thay đổi ở các học phần khác nhau), về cơ bản gồm:**

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên			50%
A1.1	- Ý thức, thái độ học tập	- Rubric 1	10%
A.1.2	- Bài tập cá nhân; SV nộp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án	10%
A1.3	- Seminar; nhóm trưởng nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Rubric 2	10%
A2. Thi trắc nghiệm khách quan			20%
A2.1	- Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ			50%
A3.1	- Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án	
	- Thi trắc nghiệm: TT Đảm bảo chất	- Đáp án	

	lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ - Tiểu luận: GV đánh giá và lưu hồ sơ - Dự án học phần	- Rubric 3 - Sản phẩm dự án học phần	50%	
--	---	---	-----	--

Bảng 2.4. Bảng quy đổi điểm thang điểm 10 sang thang điểm 4 và mức độ đạt/không đạt tương ứng

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4	Ghi chú
A	8,5 – 10,0	4	Đạt
B+	8,0 – 8,4	3,5	Đạt
B	7,0 – 7,9	3	Đạt
C+	6,5 – 6,9	2,5	Đạt
C	5,5 – 6,4	2	Đạt
D+	5,0 – 5,4	1,5	Đạt
D	4,0 – 4,9	1	Đạt
F	< 4,0	0	Không đạt

2.8. Đối sánh chương trình đào tạo

BẢNG SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG NƯỚC

Chuyên ngành: Giáo dục Chính trị

(Dùng để tham khảo khi xây dựng và chỉnh sửa chương trình đào tạo bậc đại học năm 2021)

I. DANH MỤC TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÃ THAM KHẢO

1.1. CTĐT ngành: Sư phạm Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1.2. CTĐT ngành: Sư phạm Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Huế

1.3. CTĐT ngành: Sư phạm Giáo dục Chính trị - Trường Đại học SP TPHCM

II. SO SÁNH CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

	CTĐT 1	CTĐT 2	CTĐT 3	Nhận xét so sánh với CTĐT ngành GDCT, Trường ĐHV
	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Trường Đại học Huế - Đại học Sư phạm	Trường Đại học SP TPHCM	
2.1. MỤC TIÊU/ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO				
Mục tiêu và vị trí công tác sau khi tốt nghiệp	Đào tạo giáo viên có khả năng giảng dạy tốt môn Giáo dục công dân ở các trường trung học phổ thông; giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ khoa học lý luận chính trị,... giảng dạy và nghiên cứu các môn khoa học Mác - Lênin, lý luận chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh ở trình độ đại học tại các trường đại học, học viện, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học,	- Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các tri thức về các môn Lý luận chính trị (LLCT) ở đại học, cao đẳng, môn Giáo dục chính trị ở trung cấp và môn Giáo dục công dân (GDGD) ở trường phổ thông. Có đủ năng lực để giảng dạy các môn LLCT ở đại học, cao đẳng, môn Giáo dục chính trị	- Đào tạo giáo viên trình độ cử nhân khoa học ngành Giáo dục Chính trị dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở các trường trung học phổ thông; các môn Giáo dục chính trị, Giáo dục pháp luật ở các trường trung học nghề và các cơ sở giáo dục tương đương. - Làm công tác giáo dục và giảng dạy môn Giáo dục kinh tế	=> So với CTĐT của cả 3 trường, CTĐT của Khoa GDCT trường ĐHV xác định mục tiêu đào tạo và vị trí công tác của SV sau khi tốt nghiệp có điểm tương đồng. Tuy nhiên, trong bản CTĐT được rà soát chỉnh sửa, CTĐT của Trường ĐHV thể hiện cụ thể, sáng rõ mục tiêu đào tạo tiếp cận

	<p>các cơ quan lý luận, tổ chức chính trị - xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cử nhân Giáo dục Chính trị có khả năng đảm nhận tốt nhiệm vụ của người cán bộ tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội,... - Có đủ khả năng tiếp tục phát triển chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ các môn khoa học Mác - Lênin, Triết học, Giáo dục Chính trị, Khoa học Chính trị, Lý luận Chính trị, Hồ Chí Minh học, Chính trị học, Mỹ học, Đạo đức học, Logic học, Tôn giáo học, Kinh tế học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam,... 	<p>ở trung cấp và môn GDCD ở trường phổ thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy các môn LLCT trong các trường đại học, cao đẳng; các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp quận/huyện/thành phố trực thuộc tỉnh; các trường chính trị trực thuộc tỉnh hoặc Trung ương. - Giảng dạy môn GDCT trong các trường trung cấp chuyên nghiệp. - Giảng dạy môn GDCD ở trường THCS và môn Công dân với Tổ quốc ở trường THPT. - Tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, làm công tác chủ nhiệm lớp và các công tác khác ở trường phổ thông do Nhà trường giao. - Làm việc ở các viện, trung tâm nghiên cứu và các cơ quan đảng, chính quyền, các đoàn thể hoặc tổ chức chính trị - xã hội. 	<p>và pháp luật ở các trường trung học phổ thông; các môn Giáo dục chính trị, Giáo dục pháp luật ở các trường trung học nghề và các cơ sở giáo dục tương đương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ và tiềm lực để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các bậc học cao hơn thuộc các chuyên ngành: Triết học, Kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lí luận và phương pháp dạy học các môn lí luận chính trị,... 	<p>phát triển năng lực người học, định hướng CDIO. Đồng thời xác định các cơ hội việc làm rộng mở đáp ứng nhu cầu xã hội/hoạt động nghề nghiệp.</p>
<p>Chuẩn đầu ra</p>	<p>1 Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất 1.1 Tiêu chí 1.1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước 1.2 Tiêu chí 1.2: Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh</p>	<p>PLO1. Phẩm chất nghề nghiệp PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân PLO1.2. Đạo đức và phong cách</p>	<p>PLO1. Phẩm chất <i>Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân</i> <i>Phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp</i></p>	<p>=> CDR của các CTĐT có nhiều điểm tương đồng trong xác định CDR về phẩm chất, năng lực chung, năng lực chuyên môn và</p>

	<p>1.3 Tiêu chí 1.3: Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học</p> <p>1.4 Tiêu chí 1.4: Trung thực và đáng tin cậy</p> <p>1.5 Tiêu chí 1.5: Trách nhiệm và tận tâm</p> <p>1.6 Tiêu chí 1.6: Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời</p> <p>2 Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung</p> <p>2.1 Tiêu chí 2.1: Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi</p> <p>2.2 Tiêu chí 2.2: Năng lực giao tiếp và hợp tác</p> <p>2.3 Tiêu chí 2.3: Năng lực lãnh đạo</p> <p>2.4 Tiêu chí 2.4: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</p> <p>2.5 Tiêu chí 2.5: Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội</p> <p>2.6 Tiêu chí 2.6: Năng lực phản biện</p> <p>3 Tiêu chuẩn 3: Năng lực sự phạm</p> <p>3.1 Tiêu chí 3.1: Năng lực dạy học</p> <p>3.2 Tiêu chí 3.2: Năng lực giáo dục</p> <p>3.3 Tiêu chí 3.3: Năng lực định hướng sự phát triển học sinh</p> <p>3.4 Tiêu chí 3.4: Năng lực hoạt động xã hội</p> <p>3.5 Tiêu chí 3.5: Năng lực phát triển nghề nghiệp</p> <p>4 Tiêu chuẩn 4: Năng lực khoa học ngành Giáo dục chính trị</p>	<p>nhà giáo</p> <p>PLO2. Năng lực chung</p> <p>PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi</p> <p>PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác</p> <p>PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</p> <p>PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện</p> <p>PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp</p> <p>PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác</p> <p>PLO3. Năng lực chuyên môn</p> <p>PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành</p> <p>PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học</p> <p>PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành</p> <p>PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành</p> <p>PLO4. Năng lực nghề nghiệp</p> <p>PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục</p> <p>PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học</p>	<p><i>Phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp</i></p> <p>PLO2. Năng lực chung</p> <p><i>Năng lực tự chủ</i></p> <p><i>Năng lực giao tiếp</i></p> <p><i>Năng lực hợp tác</i></p> <p>PLO3. Năng lực chuyên môn</p> <p><i>Vận dụng được kiến thức cơ bản, nền tảng về các môn khoa học lí luận chính trị vào hoạt động nhận thức và thực tiễn.</i></p> <p><i>Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về giáo dục kinh tế và pháp luật để giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề cơ bản về kinh tế và pháp luật từ góc độ khoa học giáo dục.</i></p> <p><i>Vận dụng được kiến thức cơ bản về đạo đức, văn hóa, an ninh quốc phòng, hội nhập quốc tế, về lí luận dạy học và một số lĩnh vực khoa học xã hội – nhân văn khác vào hoạt động nhận thức và thực tiễn.</i></p> <p>PLO4. Năng lực nghề nghiệp</p> <p><i>Năng lực hiểu người học và xây dựng môi trường giáo dục</i></p> <p><i>Năng lực phát triển chương trình, nghiên cứu, xây dựng và thực hành hoạt động giáo dục, dạy học</i></p>	<p>năng lực nghề nghiệp. So với CTĐT của các trường, thì CTĐT của Khoa GDCT, Trường ĐHV được xác định dựa trên các trụ cột CDIO, tiêu chuẩn Quốc gia về nghề nghiệp GVPT, bám sát các yêu cầu về đổi mới CTĐT theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học/ theo Chương trình giáo dục phổ thông môn GDCT (2018) của Bộ GD&ĐT; đáp ứng giảng dạy môn GD công dân, GD kinh tế và pháp luật ở trường PT; giảng dạy các môn Lý luận chính trị.</p> <p>- So với CTĐT của các trường ĐH thì CTĐT của Khoa GDCT, Trường ĐHV bổ sung một số năng lực cụ thể và cần thiết cho người học. Đặc biệt, so với CTĐT các trường thì CTĐT của ngành GDCT, Trường ĐHV xác định rõ ràng theo quy trình CDIO: <i>Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục; phát triển</i></p>
--	---	--	---	---

	<p>4.1 Tiêu chí 4.1: Năng lực Giáo dục chính trị</p> <p>4.2 Tiêu chí 4.2: Năng lực hiểu và giải thích được chương trình các môn lí luận chính trị tại các cơ sở đào tạo</p> <p>4.3 Tiêu chí 4.3: Năng lực hiểu và vận dụng các tri thức Giáo dục chính trị và khoa học liên ngành vào thực tiễn</p>	<p>PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp</p> <p>PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội</p>	<i>Năng lực đánh giá</i>	<p><i>chương trình môn GDCT, Giáo dục kinh tế và pháp luật, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.</i></p> <p>- Trong CTĐT đã thiết lập dạy học theo Dự án nhằm tăng các năng lực NCKH, kỹ năng mềm và khả năng ứng dụng của SV.</p> <p>=> Điều này phù hợp mục tiêu của Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục VN.</p>
	2.3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO			
Thời gian: 4 năm	Thời gian: 4 năm	Thời gian: 4 năm	Thời gian: 4 năm	Thời gian: 4 năm. Thời gian đào tạo tương tự các trường.
	2.4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH			
Đối tượng: HS TN THPT trên cả nước	Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp THPT trên cả nước. Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.	Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp THPT trên cả nước Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.	Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp THPT trên cả nước Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.	Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp THPT trên cả nước. Đối tượng tương tự các trường. Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.
	2.5. CẤU TRÚC VÀ KHỐI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (tổng số tín chỉ từng phần)			
Thực hành, thực tập:	6	5	10	15 CTĐT của Khoa GDCT, Trường ĐHV tăng hơn về học phần thực hành/thực tập/trải nghiệm nghề nghiệp

				so với các trường đảm bảo theo hướng tạo điều kiện cho người học có nhiều thời gian tiếp cận với môi trường trường học nơi các em gần bố sau khi tốt nghiệp.
Tổng số tín chỉ:	135 tín chỉ	130 tín chỉ	135 tín chỉ Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là 135 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (chưa kể các nội dung về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng).	126 tín chỉ Tổng số tín chỉ của CTĐT Trường ĐHV 126 TC, ít hơn so với CTĐT ở các trường so sánh. Lý do số tín chỉ được rút ngắn vì CTĐT được thiết kế theo hướng hiện đại phát huy tính tự học/tự nghiên cứu của người học. Do đó, thời gian lên lớp học lý thuyết các em sẽ được rút gọn hơn thay vào đó các em sẽ có thời gian tự học/trải nghiệm qua hệ thống LMS/elearning; thư viện điện tử/ kho dữ liệu học liệu số... Đồng thời CTĐT được thiết kế các học phần có tính tích hợp, tăng thời lượng thực hành, giảm khối lượng kiến thức hàn lâm làm cho CTĐT tinh gọn, năng động và dễ thực hiện.

III. KẾT LUẬN

Thông qua đối sánh Chương trình đào tạo của các trường ĐH trong nước cho thấy các CTĐT có nhiều điểm tương đồng, được xây dựng theo định hướng đổi mới, tiếp cận năng lực ngày càng đáp ứng được yêu cầu và bối cảnh nghề nghiệp. Chương trình đào tạo Đại học ngành GDCT được rà soát, chỉnh sửa lần này của Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Vinh phù hợp với hướng tiếp cận của Chương trình đào tạo đại học tiên tiến. Đặc biệt, CTĐT đã thể hiện sự tích hợp các khối kiến thức cơ bản và nâng cao chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu đổi mới của CT Giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chuẩn đầu ra của CTĐT đã tiếp cận theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, theo định hướng CDIO. Chương trình khung với cấu trúc phù hợp, tinh gọn và nội dung môn học phong phú bám sát yêu cầu với sự đổi mới giáo dục và đào tạo của Việt Nam hiện nay. Đặc biệt, CTĐT của ngành GDCT, Trường ĐHV xác định rõ ràng các quy trình CDIO: *Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến* các hoạt động dạy học, giáo dục; phát triển chương trình môn học, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp. Trong CTĐT đã thiết lập tăng thời lượng thực hành/thực tế/thực tập, hoạt động trải nghiệm/ tìm hiểu thực tế phổ thông ngay từ năm thứ nhất và có tính xuyên suốt, liên tục trong quá trình đào tạo nhằm rèn luyện nghề nghiệp/tăng hứng thú học tập cho người học. Đồng thời, có nhiều PPDH tích cực kết hợp dạy học học phần theo Dự án nhằm trang bị và tăng cường các năng lực NCKH, kỹ năng mềm và khả năng ứng dụng vào thực tiễn của SV. Điều này góp phần thực hiện mục tiêu của đổi mới căn bản toàn diện giáo dục VN theo xu hướng hiện đại, hội nhập và phát triển.

Một số điểm có thể xem xét điều chỉnh thông qua việc đối sánh, nếu được: có thể nghiên cứu bổ sung các học phần tự chọn để tăng tính phong phú trong chương trình đào tạo; có thể xây dựng Chương trình đào tạo ngành phụ theo quy định của Bộ GD&ĐT (15 tín chỉ) để hỗ trợ, bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng và năng lực tạo điều kiện cho người học ra trường đón nhận được nhiều cơ hội về việc làm.

Giáo dục đại cương	1. Kiến thức giáo dục đại cương chung	22	17.5	✓			✓	✓				
	2. Kiến thức khoa học giáo dục cơ bản	7	5.6			✓	✓	✓			✓	✓
	3. Kiến thức nền tảng ngành Sư phạm Xã hội	16	12.7			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giáo dục chuyên nghiệp	4. Kiến thức cốt lõi, cơ sở ngành Giáo dục Chính trị	25	19.8	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	5. Kiến thức nâng cao ngành Giáo dục Chính trị	56	44.4	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓
Tổng		126		100								

3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 3.2.

Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

TT	Mã HP	Tên học phần	CDR của CTĐT								
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
2	POL11001	Triết học Mác-Lênin	✓			✓	✓				
3	GEO20003	Môi trường và phát triển bền vững	✓			✓				✓	
4	POL30041	Kinh tế phát triển		✓		✓	✓			✓	
5	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	✓					✓		✓	
6	POL20001	Lôgic hình thức	✓			✓		✓			
7	POL11002	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	✓			✓	✓				
8	ENG10001	Tiếng Anh 1						✓	✓		
9	EDU21003	Tâm lý học			✓	✓	✓				
10	LIT20006	Cơ sở văn hoá Việt Nam	✓			✓				✓	
11	POL30007	Đạo đức học		✓		✓	✓				
12	2. Tự chọn 1		✓			✓		✓			
	NAP11001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)									
	NAP11002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)									
	NAP11003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)									

	NAP11004	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật)									
	SPO10001	Giáo dục thể chất									
13	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	✓			✓	✓				
14	ENG10002	Tiếng Anh 2						✓	✓		
15	EDU20006	Giáo dục học			✓	✓	✓		✓		
16	LAW31006	Luật Hiến pháp		✓		✓				✓	
17	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục				✓		✓	✓	✓	✓
18	POL30042	Hệ thống chính trị Việt Nam		✓		✓		✓			
19	POL31008	Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin		✓		✓					
20	POL11004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	✓			✓	✓				
21	POL31036	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam		✓		✓				✓	
22	LAW30048	Hệ thống pháp luật Việt Nam		✓		✓		✓	✓	✓	✓
23	3. Tự chọn 2				✓	✓			✓		
24	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓			✓	✓				
25	POL31018	Chuyên đề triết học		✓		✓	✓	✓		✓	
26	POL31027	Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học		✓		✓	✓	✓		✓	
27	POL30028	Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		✓		✓	✓	✓		✓	
28	POL30017	Chuyên đề kinh tế chính trị		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓
29	POL30029	Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh		✓		✓	✓	✓		✓	
30	POL30044	Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật			✓	✓	✓			✓	✓
31	POL30043	Kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật			✓	✓				✓	✓
32	POL31033	Lý luận và phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật			✓	✓		✓	✓	✓	✓
33	POL30050	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật			✓	✓		✓		✓	✓
34	POL30049	Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật				✓	✓	✓		✓	✓
35	POL31038	Văn hóa chính trị		✓		✓		✓	✓	✓	✓
36	LAW31017	Luật quốc tế		✓		✓		✓		✓	
37	4. Tự chọn 3				✓	✓		✓	✓		
38	POL31040	Thực tập Sư phạm và đồ án tốt nghiệp				✓	✓	✓	✓	✓	✓

Phân nhiệm giữa các học phần và CDR chi tiết của CTĐT

(Xem Phụ lục Ma trận phân nhiệm CDR)

3.4. Kế hoạch giảng dạy

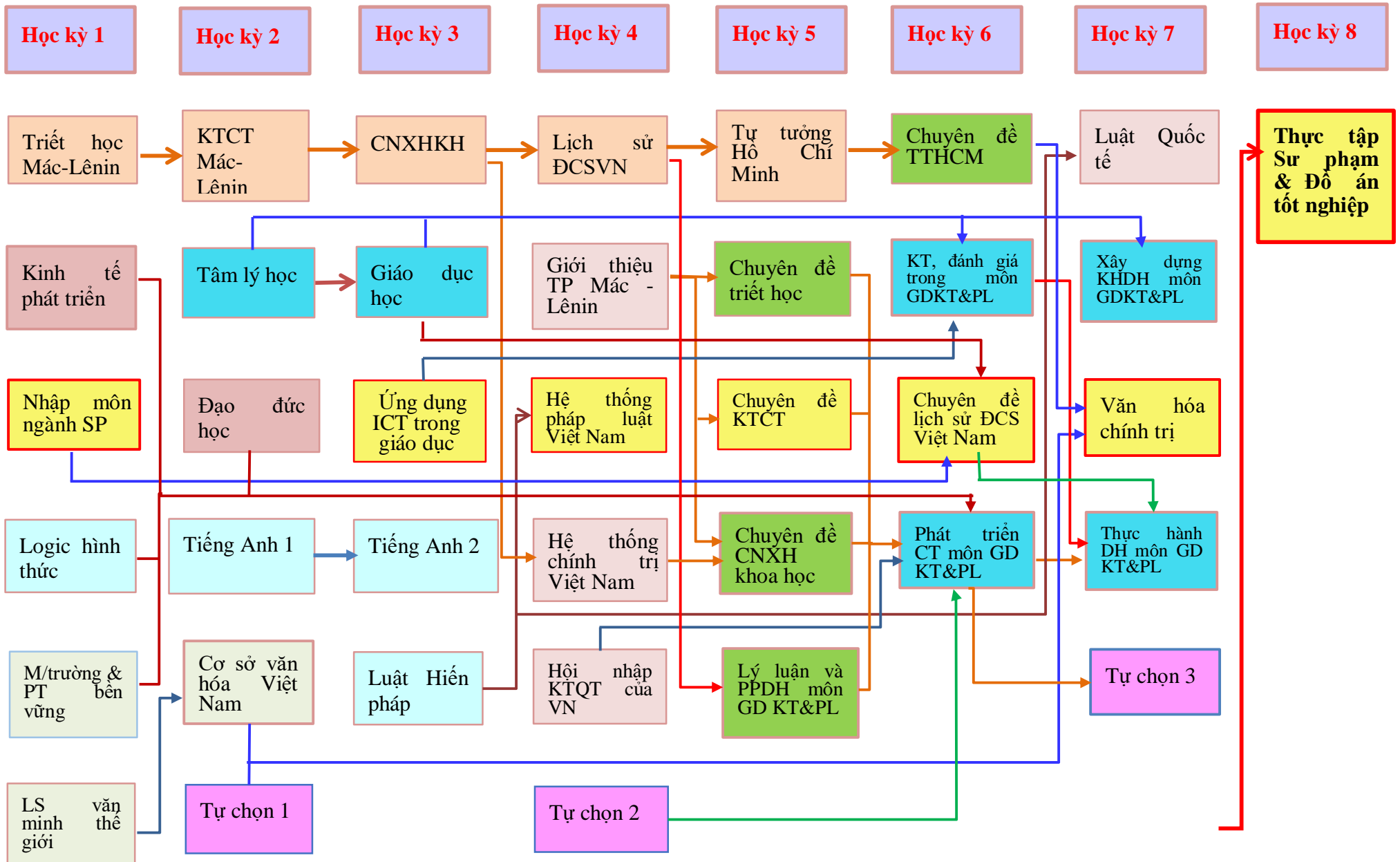
Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TIẾP CẬN CDIO
Ngành: Giáo dục Chính trị (Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

ST T	Mã học phần	Tên học phần	ST C	Số tiết						Phân kỳ	Mô đun	Loại học phần
				Lý thuyết	Thực hành/ Thi nghiệm/ Thực tế/Thực tập	Thảo luận/ Bài tập	Học phân dự án	Thực tập tốt nghiệp	Đồ án tốt nghiệp			
	1. KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH BẮT BUỘC											
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm	3	0	0	0	45	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc
2	POL11001	Triết học Mác-Lênin	3	30	0	15	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc
3	GEO20003	Môi trường và phát triển bền vững	3	30	0	15	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc
4	POL30041	Kinh tế phát triển	2	20	0	10	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc
5	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	3	30	0	15	0	0	0	1	GDĐC	1.Bắt buộc
6	POL20001	Lôgic hình thức	3	30	0	15	0	0	0	1	GDCN	1.Bắt buộc
7	POL11002	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	2	20	0	10	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc
8	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	30	0	15	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc
9	EDU21003	Tâm lý học	3	30	0	15	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc
10	LIT20006	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	30	0	15	0	0	0	2	GDĐC	1.Bắt buộc
11	POL30007	Đạo đức học	3	30	0	15	0	0	0	2	GDCN	1.Bắt buộc
12	2. Tự chọn 1			2						2	GDĐC	2.Tự chọn
	NAP11001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	(2)	30	0	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	1.Bắt buộc
	NAP11002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	(2)	30	0	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	1.Bắt buộc
	NAP11003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)	(2)	15	15	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	1.Bắt buộc
	NAP11004	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật)	(2)	4	26	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	1.Bắt buộc
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15	60	0	0	0	0	(1-3)	GDĐC	1.Bắt buộc
13	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	0	10	0	0	0	3	GDĐC	1.Bắt buộc
14	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	45	0	15	0	0	0	3	GDĐC	1.Bắt buộc
15	EDU20006	Giáo dục học	4	30	0	0	30	0	0	3	GDĐC	1.Bắt buộc
16	LAW31006	Luật Hiến pháp	3	30	0	15	0	0	0	3	GDCN	1.Bắt buộc

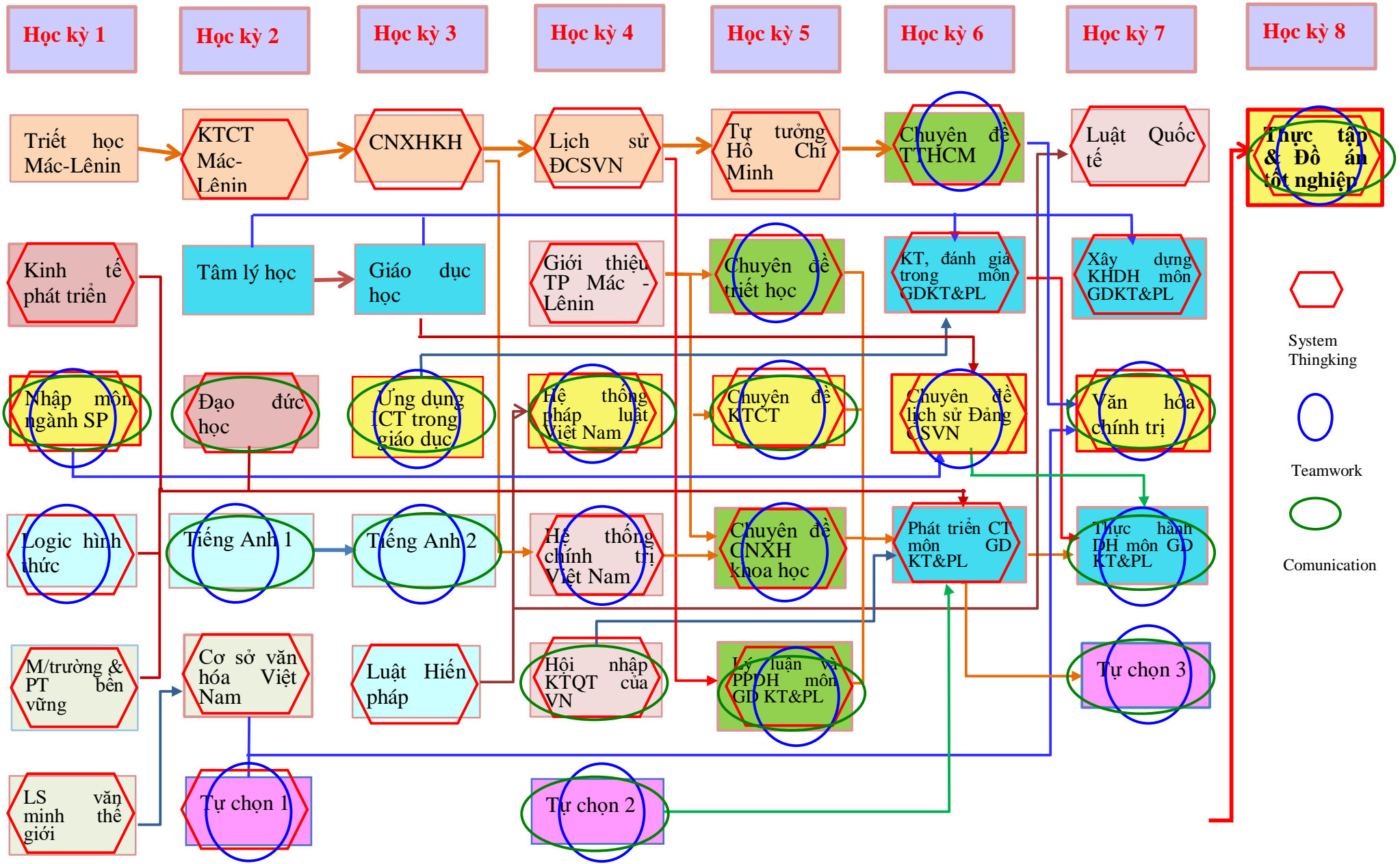
17	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	0	0	0	60	0	0	3	GDĐC	1.Bắt buộc
18	POL30042	Hệ thống chính trị Việt Nam	3	30	0	15	0	0	0	4	GDCN	1.Bắt buộc
19	POL31008	Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin	3	30	0	15	0	0	0	4	GDCN	1.Bắt buộc
20	POL11004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	0	10	0	0	0	4	GDĐC	1.Bắt buộc
21	POL31036	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	3	30	0	15	0	0	0	4	GDCN	1.Bắt buộc
22	LAW30048	Hệ thống pháp luật Việt Nam	5	0	0	0	75	0	0	4	GDCN	1.Bắt buộc
23	3. Tự chọn 2		2							4	GDĐC	2.Tự chọn
24	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	0	10	0	0	0	5	GDĐC	1.Bắt buộc
25	POL31018	Chuyên đề triết học	3	30	0	15	0	0	0	5	GDCN	1.Bắt buộc
26	POL31027	Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học	3	30	0	15	0	0	0	5	GDCN	1.Bắt buộc
27	POL30028	Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	0	15	0	0	0	6	GDCN	1.Bắt buộc
28	POL30017	Chuyên đề kinh tế chính trị	5	0	0	0	75	0	0	5	GDCN	1.Bắt buộc
29	POL30029	Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh	3	30	0	15	0	0	0	6	GDCN	1.Bắt buộc
30	POL30044	Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	5	0	0	0	75	0	0	6	GDCN	1.Bắt buộc
31	POL30043	Kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	4	30	15	15	0	0	0	6	GDCN	1.Bắt buộc
32	POL31033	Lý luận và phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	5	45	0	30		0	0	5	GDCN	1.Bắt buộc
33	POL30050	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	4	30	15	15	0	0	0	7	GDCN	1.Bắt buộc
34	POL30049	Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	4	0	60	0	0	0	0	7	GDCN	1.Bắt buộc
35	POL31038	Văn hóa chính trị	4	0	0	0	60	0	0	7	GDCN	1.Bắt buộc
36	LAW31017	Luật quốc tế	2	20	0	10	0	0	0	7	GDCN	1.Bắt buộc
37	4. Tự chọn 3		3							7	GDCN	2.Tự chọn
38	POL31040	Thực tập Sư phạm và Đồ án tốt nghiệp	8	0	0	0	0	75	45	8	GDCN	1.Bắt buộc
	Cộng		126									
	Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 4 học phần)										GDĐC	2.Tự chọn
	POL20005	Nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	20	0	10	0	0	0	2	GDĐC	2.Tự chọn
	GEO20004	Địa lí chính trị	2	20	0	10	0	0	0	2	GDĐC	2.Tự chọn
	LIT21003	Nghệ thuật học đại cương	2	20	0	10	0	0	0	2	GDĐC	2.Tự chọn
	HIS20007	Lịch sử tư tưởng Phương Đông và Việt Nam	2	20	0	10	0	0	0	2	GDĐC	2.Tự chọn
	Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 4 học phần)										GDĐC	2.Tự chọn
	LIT21004	Tạo lập văn bản đa phương thức	2	20	0	10	0	0	0	4	GDĐC	2.Tự chọn
	EDU21011	Giao tiếp sư phạm	2	20	0	10	0	0	0	4	GDĐC	2.Tự chọn

	POL21003	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2	15	15	0	0	0	0	4	GDĐC	2.Tự chọn
	HIS20008	Xây dựng văn hoá nhà trường THPT	2	20	0	10	0	0	0	4	GDĐC	2.Tự chọn
	Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 5 học phần)										GDCN	2.Tự chọn
	POL30047	Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật	3	30	0	15	0	0	0	7	GDCN	2.Tự chọn
	POL30030	Công tác Đảng và công tác đoàn thể	3	30	0	15	0	0	0	7	GDCN	2.Tự chọn
	POL30048	Phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và cộng đồng	3	30	0	15	0	0	0	7	GDCN	2.Tự chọn
	POL30045	Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông	3	30	0	15	0	0	0	7	GDCN	2.Tự chọn
	POL30046	Khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo trong ngành Giáo dục chính trị	3	30	0	15	0	0	0	7	GDCN	2.Tự chọn

3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học



3.6. Ma trận kỹ năng



PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

1. POL11001: Triết học Mác-Lênin

Mô tả học phần: Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương của các ngành đào tạo trình độ đại học. Học phần có 3 chương, bao gồm hệ thống tri thức về Triết học và Triết học Mác – Lênin, về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó, định hướng xây dựng và hình thành thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng, nhận thức được thực chất cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph. Ăngghen thực hiện và các giai đoạn hình thành phát triển của Triết học Mác – Lênin; vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong thời đại hiện nay; giúp sinh viên phản triển năng lực tư duy phản biện, biết vận dụng tri thức đã học làm cơ sở cho việc đấu tranh chống lại những luận điểm sai trái, phủ nhận sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin, cũng như bản thân các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác – Lênin; có bản lĩnh chính trị vững vàng vào bản chất khoa học và cách mạng của Chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, Triết học Mác - Lênin nói riêng.

Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, từ vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và thực tiễn xã hội; Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử vào nhận thức và thực tiễn; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề của đời sống chính trị, xã hội và tư tưởng, từ đó có thể phản biện được những luận điểm sai trái, phủ nhận sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin, cũng như bản thân các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác – Lênin.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Giải thích được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	K3	Vận dụng lý luận triết học Mác - Lênin vào nhận thức khoa học và thực tiễn xã hội	Thuyết trình, thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Bài tập nhóm
CLO2.1	S2	Thể hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng	Tự học, thảo luận nhóm	Bài tập nhóm
CLO2.2	A3	Có khả năng vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn; phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật trước C.Mác	Tự học, thảo luận nhóm,	Quan sát; Tự luận

2. POL11002: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Mô tả học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học. Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị

trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa; Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế chính trị, từ đó có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế chính trị.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Giải thích được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin.	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	K3	Vận dụng lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải thích các vấn đề kinh tế chính trị trong thực tiễn.	Thuyết trình; Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Bài tập nhóm
CLO2.1	S2	Có khả năng phản biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị	Thảo luận nhóm	Bài tập nhóm
CLO2.2	A3	Thể hiện phẩm chất chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	Tự học	Quan sát; Tự luận

3. POL11003: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả học phần: Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần: Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội; Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	K3	Vận dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam	Thuyết trình; Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Bài tập nhóm

CLO2.1	A3	Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Tự học	Quan sát; Tự luận
CLO2.2	S2	Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Thảo luận nhóm	Bài tập nhóm

4. POL11004: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mô tả học phần:

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của các ngành đào tạo. Học phần trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

Mục tiêu học phần:

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Giải thích</i> được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	K3	<i>Vận dụng</i> lý luận đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào giải thích các vấn đề về sự lãnh đạo của Đảng trong thực tiễn.	Thuyết trình; Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; Bài tập nhóm
CLO2.1	S3	<i>Có khả năng</i> bảo vệ đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.	Thảo luận nhóm	Bài tập nhóm
CLO2.2	A3	<i>Thể hiện</i> bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Tự học	Quan sát; Tự luận

5. POL10002: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong 5 học phần Lý luận chính trị, thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc của các chương trình đào tạo đại học. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh,

từ đó vận dụng, liên hệ trong thực tiễn học tập, rèn luyện và công tác để trở thành công dân tốt, đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp, đóng góp vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

Mục tiêu học phần:

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được các phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức cũng như kỹ năng tư duy logic trong học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Giải thích được</i> nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh	Thuyết giảng/ Thảo luận/tự học	Trắc nghiệm khách quan/bài thảo luận
CLO1.2	K3	<i>Trình bày được</i> định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.	Thuyết giảng/ Thảo luận/tự học	Trắc nghiệm khách quan/ bài thảo luận
CLO2.1	S3	<i>Thể hiện được</i> kỹ năng tư duy logic trong học tập và thảo luận nội dung học phần.	Thảo luận/tự học	Quan sát/ Phiếu đánh giá/bài thảo luận
CLO2.2	A4	<i>Thể hiện được</i> sự chuyên cần, thái độ học tập tích cực; niềm tin chính trị, phẩm chất đạo đức theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.	Thảo luận/tự học	Quan sát/ Phiếu đánh giá/bài thảo luận

6. ENG10001: Tiếng Anh 1

Mô tả học phần:

Tiếng Anh 1 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu:

- Mô tả các từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc được đề cập trong chương trình. Xác định được vấn đề ngữ pháp đơn giản, các thành tố âm tiết, ngữ âm trong các tình huống giao tiếp cơ bản.
- Phân biệt được các vấn đề ngữ pháp, nguồn từ vựng đã học trong chương trình để thực hiện các tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản.
- Thực hiện tương tác nhóm, làm việc nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình kết quả hoạt động nhóm bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc.
- Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc

Chuẩn đầu ra:

Mục tiêu (Gx.x) (1)		Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (L,T,U) (3)
CO1	CLO1.1	Ghi nhớ được kiến thức từ vựng về các lĩnh vực quen thuộc khác nhau trong cuộc sống hàng ngày, các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp cơ bản với độ khó tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	I, T
	CLO1.2	Nhận biết được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội các quốc gia trên thế giới, liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày	I, T
	CLO1.3	Viết được các loại văn bản ngắn, các dạng viết notes và email giao dịch khoảng 50 từ	T, U
	CLO1.4	Liệt kê được các thông tin trong đoạn văn bản ngắn độ khó ngữ liệu tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	T, U
	CLO1.5	Nhận biết âm và xác định được nội dung chính từ đoạn hội thoại giao tiếp, phỏng vấn với tốc độ chậm; Nói tiếng Anh về các lĩnh vực quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày; độ khó tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	T, U
CO2	CLO2.1	Phân biệt được các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm cơ bản với độ khó tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	I, T
	CLO2.2	Phân tích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản độ khó tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	T, U
	CLO2.3	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Anh vào các tình huống giao tiếp cụ thể ở độ khó tiên bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.	U
	CLO2.4	Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày	T, U
	CLO2.5	Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu	I
CO3	CLO3.1	Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiệu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh điểm yếu của nhóm và từng thành viên	I, T
	CLO3.2	Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình thực hiện một đề án, trao quyền cho các thành viên trong nhóm	T, U
	CLO3.3	Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn	U
	CLO3.4	Phát triển khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bằng tiếng Anh (bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ, trả lời câu hỏi một cách hiệu quả) về thông tin cá nhân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày	T, U
	CLO3.5	Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc	U

7. ENG10002: Tiếng Anh 2

Mô tả học phần:

Tiếng Anh 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn

đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu:

1. Nắm vững kiến thức tổng quan về ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 3 trong giao tiếp.
2. Phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 3.
3. Thực hiện tương tác nhóm, học tập nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình hiệu quả nhiệm vụ học tập hoạt động nhóm.
4. Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra:

Mục tiêu (Gx.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I,T,U) (3)	
CO1	CLO1.1	Nêu được các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh: <i>verb pattern + to infinitive; going to, will; hiện tại hoàn thành; giới từ, đại từ quan hệ; câu điều kiện; câu bị động, câu gián tiếp; các động từ tình thái.</i>	I, T
	CLO1.2	Phân biệt được kiến thức thông dụng trong tiếng Anh: <i>các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.</i>	I, T
	CLO1.3	Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới.	T, U
	CLO1.4	Xác định được các thông tin chính trong các bài nghe khác nhau về các chủ đề được học: <i>các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.</i>	T, U
	CLO1.5	Xác định được các thông tin quan trọng từ các dạng bài đọc khác nhau về các chủ đề: <i>các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.</i>	T, U
	CLO1.6	Trình bày được có loại văn bản khác nhau, viết đoạn, viết CV, viết thư trang trọng, liên quan đến các chủ đề (<i>du lịch, thể thao, trang phục, điện ảnh, nghề nghiệp, trường học, môi trường, giao thông, thế giới tự nhiên, chi tiêu</i>)	T, U
CO2	CLO2.1	Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.	I, T
	CLO2.2	Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.	T, U
	CLO2.3	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp về thì, các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện vào trong các giao tiếp cơ bản bằng tiếng	T, U

		Anh	
	CLO2.4	Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp	T, U
	CLO2.5	Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu	T, U
CO3	CLO3.1	Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp	I, T
	CLO3.2	Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp	T, U
	CLO3.3	Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc	U
	CLO3.4	Nâng cao hiệu quả năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh	U

8. INF20005: Ứng dụng ICT trong giáo dục

Mô tả học phần: Mô tả học phần Học phần Ứng dụng ICT trong giáo dục là học phần bắt buộc, thuộc khối học phần giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo các ngành Sư phạm. Học phần trang bị các kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ việc thiết kế, triển khai các hoạt động giáo dục và dạy học bộ môn. Thông qua đồ án ứng dụng CNTT và truyền thông trong quá trình học tập, người học được phát triển các năng lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục. Sinh viên vận dụng các kỹ năng công nghệ thông tin và truyền thông như là công cụ để học tập, nghiên cứu và phục vụ cho quá trình dạy học, giáo dục sau khi ra trường.

Mục tiêu học phần:

Học phần Ứng dụng ICT trong giáo dục giúp sinh viên có được các kiến thức về chuyển đổi số, ứng dụng ICT trong giáo dục; kỹ năng xây dựng bài giảng điện tử, học liệu số và triển khai học liệu số trên hệ thống LMS; giúp sinh viên thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch, triển khai đồ án phù hợp với ngành học; thể hiện khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai đồ án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để ứng dụng ICT đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Diễn giải các khái niệm cơ bản về ICT trong bối cảnh chuyển đổi số.	Thuyết trình Làm việc nhóm	Trắc nghiệm
CLO1.2	K3	Giải thích vai trò của ICT và chuyển đổi số trong giáo dục.	Thuyết trình Làm việc nhóm	Trắc nghiệm
CLO2.1	S3	Thực hiện tìm kiếm, tổng hợp thông tin từ Internet và nhiều nguồn khác nhau để xây dựng bài giảng điện tử.	Thực hành	Trắc nghiệm Kiểm tra thực hành
CLO2.2	S3	Hình thành các bước ứng dụng ICT trong xây dựng bài giảng điện tử.	Thực hành	Trắc nghiệm Kiểm tra thực hành
CLO2.3	S3	Thể hiện kỹ năng kết nối và sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm trong việc nâng cao hiệu quả giáo dục, dạy học.	Thực hành	Kiểm tra thực hành

CLO3.1	S3	Thể hiện khả năng hình thành và tổ chức hiệu quả các hoạt động nhóm.	Dạy học theo đồ án	Bảo vệ đồ án
CLO3.2	S3	Thể hiện kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình vấn đề thuyết phục.	Dạy học theo đồ án	Bảo vệ đồ án
CLO4.1	C3	Hình thành ý tưởng xây dựng học liệu số trong giáo dục phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục.	Dạy học theo đồ án	Bảo vệ đồ án
CLO4.2	C3	Thiết kế học liệu số trong giáo dục phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục.	Dạy học theo đồ án	Bảo vệ đồ án
CLO4.3	C3	Triển khai học liệu số trên hệ thống LMS.	Dạy học theo đồ án	Bảo vệ đồ án

9. EDU21003: Tâm lý học

Mô tả học phần:

Học phần Tâm lý học có vị trí rất quan trọng trong Chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học. Học phần cung cấp cơ sở tâm lý để hình thành tri thức, rèn luyện các kỹ năng, các giá trị, phẩm chất và phát triển năng lực nghề dạy học cho sinh viên, giúp sinh viên hoạt động có hiệu quả trong dạy học, giáo dục và tư vấn, hỗ trợ học sinh.

Mục tiêu:

Học phần Tâm lý học khái quát hoá được những vấn đề lý luận cơ bản, nền tảng về khoa học tâm lý, về cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học, giáo dục, về cơ sở tâm lý học của hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp, về cơ sở tâm lý của việc xây dựng môi trường giáo dục, cơ sở tâm lý của xây dựng môi quan hệ giao tiếp, ứng xử trong và ngoài nhà trường. Người học có khả năng vận dụng vào việc hình thành, trau dồi phẩm chất nhà giáo, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong việc thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh, đáp ứng được những sự đổi mới trong lĩnh vực giáo dục. Từ đó người học xác định được vai trò, trách nhiệm của người giáo viên, thực hiện dạy học, giáo dục, tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp cho học sinh một cách hiệu quả.

Chuẩn đầu ra:

Nội dung chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày những kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý (bản chất, chức năng, phân loại; nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý).	Thuyết trình, thảo luận, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.1
CLO1.2	K3	Giải thích được nguyên lý và quy luật của sự hình thành, phát triển tâm lý.	Thuyết trình, thảo luận, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.2
CLO1.3	K3	Diễn đạt được mối quan hệ giữa nhận thức - tình cảm - ý chí trong hành động và cuộc sống con người.	Thuyết trình, bài tập, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.3
CLO1.4	K3	Phân tích được cơ sở tâm lý của quá trình dạy học và giáo dục.	Thuyết trình, thảo luận, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.4
CLO1.5	K3	Phân tích được cơ sở tâm lý học của hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp.	Thuyết trình, thảo luận, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.5

CLO1.6	K3	Phân tích các điều kiện thể chất, xã hội của học sinh và sự phát triển tâm lý theo lứa tuổi để tư vấn và hỗ trợ học sinh trong học tập, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Thuyết trình, thảo luận, bài tập, tự học	Câu hỏi TNKQ A1.6
CLO2.1	S2	Kỹ năng hiểu và đánh giá đúng trình độ học sinh để tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học.	Làm việc nhóm, tự học	Sản phẩm nhóm
CLO2.2	S2	Hình thành được kỹ năng thiết kế bài dạy: xác định mục đích bài dạy, nội dung dạy và học, phương tiện dạy và học, phương pháp dạy, quá trình thực hiện bài dạy.	Làm việc nhóm, tự học	Sản phẩm nhóm
CLO2.3	A2	Hình thành được lối sống đạo đức cho học sinh từ hệ thống các yếu tố tâm lý (tri thức đạo đức, niềm tin đạo đức, động cơ đạo đức, tình cảm đạo đức, ý chí đạo đức, thói quen đạo đức)	Nghiên cứu tình huống	Thực hành
CLO3.1	S2	Vận dụng các kỹ năng giao tiếp (kỹ năng định hướng giao tiếp, kỹ năng nhận biết đối tượng, kỹ năng định vị, kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp, kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp) trong việc giải quyết các nhiệm vụ.	Nghiên cứu tình huống	Thực hành

10. EDU20006: Giáo dục học

Mô tả học phần:

Học phần *Giáo dục học* là học phần căn bản của Chương trình đào tạo Sư phạm. Học phần cung cấp những kiến thức nền về phương thức vận hành nhà trường, hình thành cho người học những phẩm chất và năng lực cơ bản của người giáo viên. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, được thiết kế những tiết dạy cùng đội nhóm, được tranh biện về những tình huống trong công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn, Đội, Sao nhi đồng... Được thử thách, khám phá năng lực sư phạm của bản thân và được cố vấn để hoàn thiện những năng lực đó.

Mục tiêu:

Trên cơ sở giải thích được quy tắc vận hành nhà trường trong hệ thống GDQD; phân tích được vai trò của giáo dục, sứ mệnh người thầy giáo; phân tích được phương thức tổ chức hoạt động dạy học; thực hiện được nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp, phụ trách Đoàn, Đội, Sao nhi đồng ... người học có thể phát triển được chương trình GD quốc gia vào hoạt động nhà trường. Những năng lực trên được hình thành khi người học tích cực, nghiêm túc, sáng tạo tương tác trực tiếp hoặc trực tuyến với giảng viên với đồng đội.

Chuẩn đầu ra:

Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CDR Học phần	Mức độ năng lực CDR	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Phân tích được kế hoạch DH, PPDH, kiểm tra – đánh giá, phát triển chương trình môn học	Thuyết giảng Thảo luận	1.2.2
CLO1.2	K3	Phân tích được cách thức thực hiện các hoạt động GD, trải nghiệm, hướng nghiệp và văn hóa nhà trường trong công tác chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng	Thuyết giảng Thảo luận	1.2.3
CLO2.1	S2	Giải thích được các tình huống dạy học và	hoạt động	2.1.1

		giáo dục (công tác chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng)	nhóm	
CLO2.2	S2	- Lập được kế hoạch dạy học cho tiết học/tuần/học kì/năm học; thiết kế được bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo mẫu	hoạt động nhóm	2.1.4
CLO2.3	S3	Đề xuất được biện pháp thực hiện kế hoạch chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng cho từng hoạt động/tháng/học kì/năm học	hoạt động nhóm	2.1.5
CLO2.4	A2	Nghiêm túc, tích cực, hợp tác	hoạt động nhóm	2.2.2
CLO3.1	S2	Ứng xử phù hợp với các tình huống sư phạm giả định	hoạt động nhóm	3.1.1
CLO3.2	S2	Lựa chọn được phương tiện dạy học, giáo dục phù hợp	Thuyết giảng Thảo luận	3.2.1

11. PED20002: Nhập môn ngành sư phạm

Mô tả học phần: Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* là học phần học đầu tiên trong khối kiến thức khoa học giáo dục của Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan về nghề nghiệp và ngành học. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở nên tự và làm chủ quá trình học tập của bản thân.

Mục tiêu học phần: Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* trình bày khái quát về ngành Sư phạm, chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị; quy trình thực hiện dự án học phần. Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn GDCD, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Tỉ lệ điểm (%)	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K2	Trình bày khái quát về ngành sư phạm, hệ thống giáo dục và những đổi mới về giáo dục phổ thông của Việt Nam; phẩm chất, năng lực về dạy học và giáo dục của giáo viên phổ thông.	10	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K2	Trình bày mục tiêu, những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS trong Chương trình GDPT môn Giáo dục kinh tế và pháp luật; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục chính trị.	10	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	Thể hiện tư duy hệ thống và tư duy sáng tạo thông qua việc lập kế hoạch, quản lí thời gian và nguồn lực trong quá trình học, trải nghiệm thực tế ở trường phổ thông	5	Phiếu đánh giá

CLO2.2	A2	Thể hiện tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong nhà giáo trong trường phổ thông	10	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Tổ chức hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra	10	Phiếu đánh giá
CLO3.2	S2	Thể hiện kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động nhóm và thuyết trình sản phẩm dự án học phần	10	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C2	Nhận diện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông và vai trò của giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật trong hoạt động dạy học và giáo dục	5	Phiếu đánh giá
CLO4.2	C2	Hình thành ý tưởng cho trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông	5	Phiếu đánh giá
CLO4.3	C2	Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông	5	Phiếu đánh giá
CLO4.4	C2	Thực hiện kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông	15	Phiếu đánh giá
CLO4.5	C2	Đưa ra định hướng học tập để trở thành giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	15	Phiếu đánh giá

12. HIS20003: Lịch sử văn minh thế giới

Mô tả học phần: Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung về văn hoá, văn minh, các giai đoạn phát triển của văn minh nhân loại; Các nền văn minh phương Đông cổ trung đại như văn minh Ai Cập, văn minh Lưỡng Hà, văn minh Ấn Độ, văn minh Trung Quốc, văn minh A Rập; Các nền văn minh tiêu biểu ở phương Tây cổ đại như văn minh Hy Lạp, văn minh La Mã, văn minh Tây Âu thời trung đại; Về bước chuyển sang nền văn minh công nghiệp và văn minh thông tin; những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới và giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc...

Mục tiêu học phần: Học phần giúp người học có những kiến thức cơ bản về các giai đoạn phát triển của văn minh nhân loại; các nền văn minh tiêu biểu trên thế giới qua các giai đoạn. Trên cơ sở đó góp phần hình thành ở người học kĩ năng tự học, giao tiếp, hợp tác.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1. Trình bày được khái niệm văn hoá, văn minh, các giai đoạn phát triển của văn minh nhân loại

CLO1.2. Phác hoạ được các nét khái quát về các nền văn minh tiêu biểu

CLO 1.3. Phân tích được mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới và giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

CLO2.1. Thể hiện được kĩ năng tự học

CLO2.2. Thể hiện được phong cách nhà giáo.

13. LIT20006: Cơ sở Văn hóa Việt Nam

Mô tả học phần

Học phần *Cơ sở văn hóa Việt Nam* thuộc khối kiến thức đại cương, dạy cho sinh viên khối ngành Sư phạm xã hội và Khoa học xã hội & nhân văn. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hóa học, văn hóa Việt Nam, giúp sinh viên hiểu được quy luật hình thành và phát triển của văn hóa, qua đó, lí giải và đánh giá đúng các hiện tượng văn hóa Việt Nam cụ thể.

Mục tiêu học phần

Học học phần này, sinh viên sẽ *hiểu* được những tri thức cơ bản, cần thiết về văn hóa Việt Nam (khái niệm, bản chất, đặc trưng, chức năng, cấu trúc, quy luật hình thành, phát triển) và vận dụng được tri thức đó vào phân tích, đánh giá, lí giải các hiện tượng văn hóa cụ thể (văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội, không gian văn hóa, thời gian văn hóa...). Học phần còn *hình thành* ở người học tư duy phản biện, tư duy hệ thống về các vấn đề văn hóa; *nhận biết* được những tác động, ảnh hưởng của bối cảnh văn hóa – xã hội đối với thực tiễn nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Hiểu</i> được những kiến thức nền tảng về văn hóa học, văn hóa Việt Nam (khái niệm, bản chất, đặc trưng, chức năng, cấu trúc, quy luật hình thành, phát triển; các thành tố văn hóa, các giai đoạn văn hóa, các vùng văn hóa, vấn đề biến đổi văn hóa)	- Thuyết giảng - Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	<i>Phân tích, đánh giá, lí giải</i> các hiện tượng văn hóa Việt Nam cụ thể (văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội, không gian văn hóa, thời gian văn hóa...)	- Thuyết giảng - Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S2	<i>Phân tích, đánh giá</i> các hiện tượng văn hóa Việt Nam theo tính hệ thống; có ý thức phản biện các vấn đề, hiện tượng văn hóa Việt Nam.	- Thuyết giảng - Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO2.2	A2	<i>Biết trân trọng</i> các giá trị văn hóa dân tộc	- Quan sát	Bài tập
CLO3.1	S2	<i>Thảo luận nhóm</i> về một số chủ đề của học phần	- Thảo luận	Rubric
CLO4.1	C2	<i>Nhận biết</i> (ban đầu) về ảnh hưởng, tác động của bối cảnh văn hóa đến thực tiễn nghề nghiệp	- Thuyết giảng - Thảo luận	Bài tập

14. GEO20003: Môi trường và phát triển bền vững

Mô tả học phần: Học phần *Môi trường và phát triển bền vững* thuộc khối kiến thức cơ sở ngành cho sinh viên nhóm ngành sư phạm xã hội. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về tài nguyên, môi trường; nội dung, nguyên tắc, mục tiêu và lượng hóa phát triển bền vững; Tình hình thực hiện phát triển bền vững trên thế giới và Việt Nam; tích hợp, lồng ghép giáo dục phát triển bền vững vào các môn học thuộc khối ngành xã hội trong nhà trường phổ thông.

Mục tiêu học phần: Học phần *Môi trường và phát triển bền vững* nhằm giúp sinh viên hiểu được những kiến thức nền tảng về môi trường, tài nguyên và phát triển bền vững để vận dụng có hiệu quả trong công tác giảng dạy, nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội.

Học phần hướng đến trang bị cho sinh viên kĩ năng tư duy phản biện, tư duy hệ thống khi nghiên cứu các vấn đề của học phần.

Đồng thời, để tạo nền tảng hiểu biết cảnh nghề nghiệp, học phần góp phần hình thành và phát triển năng lực nhận thức bối cảnh xã hội và nhà trường, tác động của bối cảnh với yêu cầu nghề nghiệp của giáo viên. Thông qua các hoạt động học tập ở học phần hình thành những phẩm chất, văn hóa, lối sống thân thiện với môi trường, tiêu dùng bền vững và định hướng áp dụng chúng trong dạy học và nghiên cứu của bản thân.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Tỉ lệ điểm (%)	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Hiểu được những kiến thức nền tảng về môi trường, tài nguyên và phát triển bền vững để vận dụng có hiệu quả trong công tác giảng dạy, nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội	30	Câu hỏi TNKQ Câu hỏi tự luận
CLO2.1	S2	Thể hiện được tư duy phản biện, tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học các môn học thuộc khoa học Xã hội, An ninh Quốc phòng, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành và sự phạm ứng dụng	30	Câu hỏi TNKQ Câu hỏi tự luận
CLO4.1	C2 (tham gia/đóng góp)	Phát triển năng lực nhận thức bối cảnh xã hội và nhà trường, tác động của bối cảnh với yêu cầu nghề nghiệp của giáo viên; hình thành những phẩm chất, văn hóa, lối sống thân thiện với môi trường, tiêu dùng bền vững và định hướng áp dụng chúng trong dạy học và nghiên cứu của bản thân.	20	Câu hỏi TNKQ Câu hỏi tự luận
CLO4.2	C2	Phác thảo được ý tưởng tích hợp, lồng ghép các nội dung dạy học giáo dục PTBV để tổ chức các hoạt động dạy học các môn học thuộc khoa học Xã hội, An ninh Quốc phòng trong nhà trường phổ thông	20	Câu hỏi TNKQ Câu hỏi tự luận

15. Tự chọn 1:

15.1. GEO20004: Địa lí chính trị

Mô tả học phần: Học phần *Địa lí Chính trị* là học phần học tự chọn trong khối kiến thức đại cương khối ngành của Chương trình đào tạo Sư phạm các ngành khoa học xã hội. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về địa lí chính trị, hình thành và phát triển cho người học kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm và tính kỉ luật, trách nhiệm trong quá trình học tập. Qua đó, người học nâng cao hơn kiến thức về khoa học xã hội, phát triển các kỹ năng để trở thành người giáo viên trong tương lai.

Mục tiêu học phần: Học phần *Địa lí Chính trị* trình bày khái quát quan niệm, đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của địa lí chính trị; đặc điểm địa lí ảnh hưởng đến tổ chức và mối quan hệ quốc tế của các quốc gia; luật biển quốc tế và các liên kết khu vực và quốc tế dưới góc độ địa lí. Người học thể hiện khả năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện tác phong sư phạm thông qua việc tìm hiểu những nội dung cơ bản của địa lí chính trị.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học	TĐNL CDR	Mô tả CDR học phần	Tỉ lệ	Phương
---------	----------	--------------------	-------	--------

phần (CLO)	học phần		điểm (%)	pháp đánh giá
CLO1.1	K2	Trình bày khái quát về địa lí chính trị; hệ thống chính trị quốc gia; luật biển quốc tế và mối quan hệ quốc tế.	30	Bài thi tự luận
CLO1.2	K3	Phân tích được đặc điểm địa lí ảnh hưởng đến tổ chức và mối quan hệ quốc tế của mỗi quốc gia; các yếu tố cấu thành	20	Bài thi tự luận
CLO2.1	S2	Thể hiện kỹ năng tự học trong quá trình tìm hiểu nội dung của địa lí chính trị	20	Phiếu đánh giá
CLO2.2	A2	Thể hiện tác phong nhà giáo thông qua tính kỉ luật, trách nhiệm trong quá trình học tập trên lớp, làm việc nhóm và tự học	10	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Tổ chức hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra	20	Phiếu đánh giá

15.2. HIS20007: Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam

Mô tả học phần

Học phần Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam thuộc khối kiến thức tự chọn. Học phần giúp người học hiểu được những nội dung cơ bản về sự hình thành, phát triển của lịch sử tư tưởng phương Đông nói chung, Việt Nam nói riêng; từ đó liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện và áp dụng vào giảng dạy môn Lịch sử tại trường phổ thông.

Mục tiêu học phần

Học phần giúp người học hiểu được những nội dung cơ bản về sự hình thành, phát triển của lịch sử tư tưởng phương Đông nói chung, Việt Nam nói riêng. Người học thể hiện khả năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện tác phong sư phạm thông qua việc tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng phương Đông và Việt Nam.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CĐR	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR	Tỉ lệ điểm (%)	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Hiểu được các nội dung cơ bản của tư tưởng phương Đông và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	30	Bài thi tự luận
CLO1.2	K3	Phân tích được tư tưởng Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam và những ảnh hưởng qua lại giữa chúng trong quá trình tiếp xúc.	20	Bài thi tự luận
CLO2.1	S2	Thể hiện kỹ năng tự học trong quá trình tìm hiểu nội dung của địa lí chính trị	20	Phiếu đánh giá
CLO2.2	A2	Thể hiện tác phong nhà giáo thông qua tính kỉ luật, trách nhiệm trong quá trình học tập trên lớp, làm việc nhóm và tự	10	Bảng kiểm Phiếu đánh giá

		học		
CLO3.1	S2	Tổ chức hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra	20	Phiếu đánh giá

15.3. LIT21003: Nghệ thuật học đại cương

Mô tả học phần

Học phần *Nghệ thuật học đại cương* thuộc khối kiến thức tự chọn, được dạy ở học kỳ 02 cho sinh viên các ngành Sư phạm xã hội. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng về nghệ thuật, mối quan hệ giữa nghệ thuật với các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn khác; hình thành và phát triển cho người học kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm và tính kỉ luật, trách nhiệm trong quá trình học tập. Qua đó, người học nâng cao hơn kiến thức về khoa học xã hội, phát triển các kỹ năng cần thiết để trở thành người giáo viên trong tương lai.

Mục tiêu học phần

Học phần *Nghệ thuật học đại cương* trình bày khái quát khái niệm, nguồn gốc của nghệ thuật; lịch sử phát triển nền nghệ thuật phương Đông và phương Tây; một số loại hình nghệ thuật tiêu biểu, mối quan hệ giữa nghệ thuật và các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn khác. Người học thể hiện khả năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện tác phong sư phạm thông qua việc tìm hiểu những nội dung cơ bản của *nghệ thuật học đại cương*.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Tỉ lệ điểm (%)	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K2	<i>Trình bày</i> khái quát về khái niệm nghệ thuật, nguồn gốc lịch sử phát triển của nghệ thuật	30	Bài thi tự luận
CLO1.2	K3	<i>Phân tích</i> được những đặc điểm về thành tựu của nghệ thuật qua các thời kì lịch sử; những nét đặc trưng cơ bản của một số loại hình nghệ thuật tiêu biểu; mối quan hệ giữa nghệ thuật với các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn khác.	20	Bài thi tự luận
CLO2.1	S2	Thể hiện kỹ năng tự học trong quá trình tìm hiểu nội dung của nghệ thuật	20	Phiếu đánh giá
CLO2.2	A2	Thể hiện tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong nhà giáo trong quá trình học tập trên lớp, làm việc nhóm và tự học	10	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Tổ chức hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra	20	Phiếu đánh giá

15.4. POL20005: Nhà nước và pháp luật Việt Nam

Mô tả học phần: Học phần Nhà nước và pháp luật Việt Nam thuộc khối kiến thức tự chọn của các Chương trình đào tạo Sư phạm Xã hội. Học phần giúp người học hiểu được lịch sử hình thành và phát triển Nhà nước và Pháp luật Việt Nam từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện và áp dụng vào hoạt động giáo dục, giảng dạy các môn học ở trường phổ thông. Đồng thời hình thành và phát triển cho người học kỹ năng tự học, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm và tính kỷ luật, trách nhiệm trong quá trình học tập.

Mục tiêu học phần: Sau khi hoàn thành môn học này, người học có thể hiểu được các kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam từ nguồn gốc cho đến các giai đoạn phát triển trong lịch sử. Đồng thời, môn học bồi dưỡng cho người học các kỹ năng tự học để nghiên cứu về hiện tượng nhà nước và pháp luật trong quá trình phát sinh, vận động phát triển của nó; kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm để so sánh và phân tích được những quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà nước và pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn phát triển; người học rèn luyện được tác phong sư phạm thông qua việc tìm hiểu những nội dung cơ bản của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Giải thích được các kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam; những quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà nước cũng như của pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn phát triển của lịch sử.	Thuyết giảng/ Thảo luận/tự học	Bài thi tự luận
CLO2.1	S2	Thể hiện kỹ năng tự học trong quá trình tìm hiểu nội dung của nhà nước và pháp luật.	Thảo luận/tự học	Bảng kiểm Phiếu đánh giá
CLO2.2	A2	Thể hiện được tác phong sư phạm ở tính kỷ luật, trách nhiệm trong quá trình học tập.	Thảo luận/tự học	Phiếu đánh giá
CLO3.1	S2	Thể hiện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra.	Thảo luận/hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

16. Tự chọn 2

16.1. EDU21011: Giao tiếp sư phạm

Mô tả học phần

Học phần *Giao tiếp sư phạm* là học phần tự chọn 1, dùng một số các nhóm ngành như: Giáo dục tiểu học (GDTH), Giáo dục mầm non (GDMN) và Quản lý giáo dục (QLGD), Giáo dục chính trị (GDCT)....

Học phần *Giao tiếp sư phạm* cung cấp cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm, hệ thống lý thuyết và thực hành nhằm hình thành cho người học những kỹ năng và năng lực giao tiếp sư phạm; qua đó người học có thể phân tích, đánh giá và xử lý các tình huống sư phạm nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp, ứng xử chuyên nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

Mục tiêu học phần

Học phần *Giao tiếp sư phạm* nhằm giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm để phân tích được đối tượng giao tiếp, có chiến lược giao tiếp, biết lựa chọn phương thức giao tiếp, thực hiện và điều chỉnh được hoạt động giao tiếp, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục.

Giao tiếp sư phạm nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng phân tích, đánh giá và xử lý được các tình huống nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp để ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá
Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K2	Trình bày được các kiến thức khoa học cơ bản về khái niệm, hình thức, phương tiện và các kỹ năng giao tiếp sư phạm cơ bản.	Thuyết trình, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học trải nghiệm dưới hình thức nhiệm vụ cá nhân/nhóm.	Câu hỏi TNKQ A1.3
CLO1.2	K2	Xác định được các nguyên tắc trong giao tiếp sư phạm. Đánh giá được các phong cách giao tiếp sư phạm.	Thuyết trình, bài tập, làm việc nhóm, tự học	Bài tập nhóm A1.2
CLO1.3	K3	Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong xử lý các tình huống giáo dục để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, tích cực	Thuyết trình, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học trải nghiệm dưới hình thức nhiệm vụ cá nhân/nhóm.	Câu hỏi TNKQ A1.3
CLO 2.1	S2	Có trách nhiệm học tập, rèn luyện bản thân để phát triển bản thân, hình thành các năng lực giao tiếp sư phạm cần thiết trong công tác giáo dục	Bài tập cá nhân	Bài tập cá nhân A1.1
CLO 2.2	S3	Vận dụng để ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.	Thuyết trình, bài tập, làm việc nhóm, tự học	Bài tập tự luận A2.1
CLO 3.1	S3	Lựa chọn phương tiện và thực hiện thành thạo các hình thức giao tiếp trong quá trình giao tiếp sư phạm với các đối tượng giao tiếp.	Thuyết trình, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học trải nghiệm dưới hình thức nhiệm vụ cá nhân/nhóm.	Bài tập tự luận A2.1
CLO3.2	S2	Đánh giá được các tình huống giao tiếp sư phạm từ đó lựa chọn được chiến lược giao tiếp, phương	Thuyết trình, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học trải nghiệm dưới hình	Bài tập tự luận A2.1

		thức giao tiếp, thực hiện và điều chỉnh được hoạt động giao tiếp.	thức nhiệm vụ cá nhân/nhóm.	
CLO 4.1	C3	Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục.	Thuyết trình, dạy học giải quyết vấn đề.	Bài tập tự luận A2.1
CLO4.2	C3	Đánh giá được tác động của giao tiếp sư phạm trong dạy học và giáo dục học sinh.	Thuyết trình, dạy học giải quyết vấn đề.	Bài tập tự luận A2.1

16.2. LIT21004: Tạo lập văn bản đa phương thức

Mô tả học phần

Học phần *Tạo lập văn bản đa phương thức* thuộc khối kiến thức tự chọn, được dạy ở học kỳ 04 cho sinh viên nhóm ngành Sư phạm xã hội. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung, văn bản đa phương thức nói riêng. Học phần cũng trang bị cho người học các kỹ năng cần thiết để tạo lập văn bản đa phương thức, từ đó áp dụng hiệu quả vào thực tiễn nghề nghiệp.

Mục tiêu học phần

Học phần này hướng tới các mục tiêu cụ thể sau đây: *hiểu* những vấn đề chung về văn bản; *phân tích* được đặc trưng của loại hình văn bản đa phương thức cùng các nguyên tắc và kỹ thuật tạo lập nó; *áp dụng* được các tri thức về văn bản đa phương thức để phân tích và tạo lập văn bản, phục vụ hiệu quả cho thực tiễn nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	<i>Hiểu</i> những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản (khái niệm, đặc trưng, chức năng, yêu cầu chung, quy trình tạo lập văn bản...); phân biệt được các loại hình văn bản và xác định được các nguyên tắc soạn thảo văn bản theo loại hình.	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K3	<i>Phân tích</i> được khái niệm, vai trò, đặc trưng, yêu cầu và quy trình tạo lập văn bản đa phương thức.	Thuyết giảng Thảo luận	Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	S3	<i>Thể hiện</i> kỹ năng tự học khi tìm hiểu tài liệu, chuẩn bị các vấn đề thảo luận và thực hiện tạo lập văn bản đa phương thức.	Tự học Thảo luận nhóm	Hồ sơ học tập
CLO2.2	A3	<i>Thể hiện</i> ý thức kỷ luật, thái độ chuyên cần trong các hoạt động học tập của học phần	Quan sát	Hồ sơ học tập
CLO3.1	S3	<i>Thể hiện</i> kỹ năng giao tiếp đa phương thức trong quá trình tương tác với các thành viên và giáo viên trong hoạt động học tập và tạo lập	Tự học Thảo luận nhóm	Phiếu đánh giá

16.3. POL21003: Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Mô tả học phần: Học phần “Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp” là học phần tự chọn đối với sinh viên các ngành sư phạm sư phạm xã hội, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và năng lực cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực, trên cơ sở đó giúp sinh viên phát triển được kỹ năng thiết kế và sử dụng các phương pháp, hình thức để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với môn học ở nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Mục tiêu học phần: Học phần này giúp sinh viên có kiến thức về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông trên cơ sở đó sinh viên có thể áp dụng các kiến thức về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để giải quyết những tình huống trong thực tiễn. Sinh viên có kỹ năng tự học, tự rèn luyện trong quá trình lĩnh hội tri thức và thực hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh. Đồng thời sinh viên có khả năng sáng tạo và thích ứng với các môi trường hoạt động.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CLO1. Sinh viên có kiến thức về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông.

CLO2. Sinh viên sử dụng linh hoạt các phương pháp tự học, tự rèn luyện trong quá trình lĩnh hội tri thức và thực hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

CLO3. Hình thành kỹ năng thiết lập mối quan hệ trong nhà trường, gia đình học sinh và xã hội để tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Phân tích</i> được các nội dung cơ bản của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông 2018; <i>Hiểu</i> và xác định hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; <i>Hiểu</i> được phương pháp, công cụ đánh giá trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.	- Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO2.1	S3	Thể hiện kỹ năng tự học trong quá trình tìm hiểu nội dung và xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chủ đề ở trường THPT.	Thảo luận/tự học	Phiếu đánh giá (Rubric)
CLO3.1	S3	<i>Thiết lập</i> phương thức giao tiếp bằng lời nói trực tiếp, văn bản viết và đa phương tiện trong lớp học trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.	- Thực hành	Phiếu đánh giá (Rubric)

16.4. HIS20008: Xây dựng văn hóa nhà trường THPT

Mô tả học phần: Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về các khái niệm, sự cần thiết phải xây dựng văn hóa nhà trường THPT; cách thức xây dựng, quảng bá các giá trị cốt lõi của nhà trường, lớp học; vai trò của giáo viên trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện ở trường THPT; sự tham gia của giáo viên, học sinh trong xây dựng văn hóa trường THPT.

Mục tiêu học phần: Học phần giúp người học có những kiến thức cơ bản về các khái niệm, sự cần thiết phải xây dựng văn hóa nhà trường THPT; cách thức xây dựng, quảng bá các giá trị cốt lõi của nhà trường, lớp học; vai trò của giáo viên trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện ở trường THPT; Đánh giá được sự tham gia của giáo viên, học sinh trong xây dựng văn hóa trường THPT thông qua các trường hợp thực tế. Từ đó, học phần góp phần hình thành ở người học kỹ năng giao tiếp đa phương thức và khả năng phân tích bối cảnh xã hội tác động tới giáo dục phổ thông

Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1.1. Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan về văn hoá nhà trường, sự cần thiết phải xây dựng văn hóa nhà trường THPT,

CLO1.2. Mô tả được cách thức xây dựng, quảng bá các giá trị cốt lõi của nhà trường, lớp học; vai trò của giáo viên trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện ở trường THPT

CLO 1.3. Đánh giá được sự tham gia của giáo viên, học sinh trong xây dựng văn hóa trường THPT thông qua các trường hợp thực tế

CLO3.1. Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức

CLO4.1. Phân tích bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông

17. POL20001: Logic hình thức

Mô tả học phần: Logic hình thức là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn. Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về các hình thức và qui luật cơ bản của tư duy. Việc nghiên cứu, học tập Logic hình thức là cần thiết bởi nó có vai trò to lớn trong việc giúp con người có khả năng tư duy logic một cách tự giác, nâng cao khả năng phán đoán, suy luận, phát hiện ra những sai lầm, nguy hiểm trong tư duy; trình bày ý kiến, lập luận của mình một cách chặt chẽ, mạch lạc, thuyết phục hơn. Nghiên cứu Logic hình thức cũng góp phần trang bị những công cụ nhận thức hết sức quan trọng để con người có thể đi sâu nghiên cứu trong những lĩnh vực khoa học cụ thể.

Mục tiêu học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về logic hình thức, về các hình thức của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, và các quy luật của tư duy như quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ. Qua đó, sẽ góp phần quan trọng trong việc rèn luyện khả năng, kỹ năng tư duy logic tự giác; áp dụng các kỹ năng này vào việc nghiên cứu, học tập các môn khoa học khác cũng như vận dụng trong thực tiễn nhận thức, trình bày, tranh luận, hùng biện... trong cuộc sống thường ngày. Từ việc nâng cao khả năng nhận thức và tư duy cho người học, học phần sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập các môn khác cũng như làm tăng lòng say mê nghiên cứu khoa học, thúc đẩy ham muốn tìm tòi, khám phá, sáng tạo ở người học.

Chuẩn đầu ra học phần:

Mục tiêu (Gx) (1)	Mức độ năng lực CDR học phần	Mô tả mục tiêu (2)	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
-------------------	------------------------------	--------------------	---------------------	----------------------

CLO 1.1	K3	Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của Logic hình thức. Giải thích được những vấn đề chung về khái niệm, phán đoán	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; hỏi đáp, bài tập
CLO 1.2	K3	Giải thích được được nội dung quy luật đồng nhất; quy luật cấm mâu thuẫn; quy luật loại trừ cái thứ ba; quy luật lý do đầy đủ; Giải thích được những vấn đề chung về suy luận và chứng minh.	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; hỏi đáp, bài tập
CLO 2.1	K3	Vận dụng, thực hành được các thao tác tư duy với khái niệm. Có kĩ năng phán đoán, suy luận, chứng minh mạch lạc, logic, vận dụng được các kỹ năng này vào thực tiễn.	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; hỏi đáp, bài tập
CLO 2.5	S2	Có khả năng nhận thức đúng đắn về vai trò của tư duy logic, vận dụng được các kiến thức và kỹ năng tư duy logic trong học tập và nghiên cứu các khoa học chuyên ngành.	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Trắc nghiệm; hỏi đáp, bài tập

18. POL30041: Kinh tế phát triển

Mô tả học phần: Kinh tế phát triển là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành Giáo dục chính trị. Học phần có 5 chương, bao gồm hệ thống tri thức khoa học về phát triển kinh tế; tăng trưởng kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tiến bộ, công bằng xã hội; các nguồn lực phát triển kinh tế với mục đích chuyển nền kinh tế từ trình độ phát triển thấp lên trình độ phát triển cao hơn gắn với tiến bộ, công bằng xã hội. Trên cơ sở cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế phát triển, giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào phân tích và giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông.

Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên ngành sư phạm Giáo dục chính trị kiến thức cơ bản và nâng cao về kinh tế phát triển - cơ sở lý luận cho các học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo. Đồng thời thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần, góp phần rèn luyện tư duy hệ thống cho sinh viên trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển, củng cố niềm tin vào đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về tăng trưởng, phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Giải thích</i> được kiến thức của kinh tế phát triển	- Thuyết trình - Thảo luận	- Trắc nghiệm - Tự luận
CLO2.1	S2	<i>Thể hiện</i> tư duy hệ thống trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển	- Thảo luận	- Bài tập nhóm

CLO2.2	A3	<i>Thể hiện</i> phẩm chất chính trị, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về tăng trưởng, phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam.	- Tự học - Thảo luận	- Quan sát; - Tự luận
--------	----	--	-------------------------	--------------------------

19. POL30007: Đạo đức học

Mô tả học phần: Học phần Đạo đức học là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành sư phạm Giáo dục chính trị, được giảng dạy ở học kỳ 2 trong tổng thể chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ, bao gồm những lý luận chung về đạo đức và đạo đức học, về đạo đức nhà giáo và giới thiệu về nội dung giảng dạy đạo đức cơ bản trong chương trình phổ thông mới. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống đạo đức trong thực tiễn, xây dựng đạo đức mới trong học tập và lao động, nắm được sơ lược các nội dung giảng dạy đạo đức trong chương trình phổ thông. Trong phạm vi nghiên cứu của đề cương học phần, các quan điểm đều đứng trên lập trường duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Mục tiêu học phần: Học phần Đạo đức học giúp sinh viên giải thích được các kiến thức cơ bản về đạo đức học, hình thành kỹ năng rèn luyện đạo đức cá nhân phù hợp với các chuẩn mực đạo đức con người mới xã hội chủ nghĩa, bước đầu rèn luyện kỹ năng điều chỉnh hành vi trong giao tiếp hướng tới tính mô phạm trong giao tiếp sư phạm. Đồng thời, học phần giúp sinh viên thể hiện thái độ nghiêm túc trong quá trình thực hiện giáo dục hướng nghiệp dưới mái trường Sư phạm – trường Đại học Vinh, vận dụng các kiến thức đã học để phân tích các vấn đề thực tiễn đạo đức và giáo dục đạo đức.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	3.0 (K3)	<i>Giải thích và phân tích</i> được kiến thức cơ bản của đạo đức học	Thuyết trình Thảo luận	Trắc nghiệm Hồ sơ học tập
CLO2.1	3.0 (A3)	<i>Hình thành kỹ năng</i> điều chỉnh hành vi cá nhân phù hợp với chuẩn mực đạo đức mới, xây dựng thái độ nghiêm túc, cầu thị trong quá trình thực hiện giáo dục hướng nghiệp	Bài tập, làm việc nhóm	Hồ sơ học tập
CLO3.1	3.0 (A3)	<i>Có năng lực</i> giao tiếp, ứng xử đúng mực bộc lộ tư duy hướng thiện; lối sống lành mạnh, tác phong mẫu mực của người giáo viên.	Nghiên cứu tình huống	Hồ sơ học phần
CLO4.1	3.5 (S3)	<i>Có năng lực</i> phân tích các vấn đề thực tiễn đạo đức và giáo dục đạo đức	Thuyết trình, bài tập	Trắc nghiệm Bài tập lớn

20. LAW31006: Luật Hiến pháp

Mô tả học phần: Luật Hiến pháp là học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các luật chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo cử nhân Luật học, Luật kinh tế, Quản lý nhà nước. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản và quan trọng nhất về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Giúp sinh viên có khả năng đánh giá các vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước và thế giới.

Mục tiêu học phần: Học phần được thiết kế nhằm đảm bảo sinh viên có khả năng phân tích và vận dụng các kiến thức pháp luật cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên tư duy hệ thống, tư duy phân biện các vấn đề có liên quan.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO 1	K3	<i>Hiểu</i> , nhận diện những vấn đề cơ bản liên quan đến Luật hiến pháp	Hỏi đáp, thuyết giảng	Trắc nghiệm
CLO 2	K3	<i>Hiểu</i> những kiến thức cơ bản về các bản Hiến pháp trong lịch sử lập hiến Việt Nam	Hỏi đáp, thuyết giảng	Trắc nghiệm
CLO3	K3	<i>Hiểu</i> kiến thức chế độ chính trị, kinh tế, xã hội	Hỏi đáp, thuyết giảng	Trắc nghiệm, Tự luận
CLO 4	K4	<i>Hiểu, áp dụng</i> kiến thức quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam	Hỏi đáp, thuyết giảng, hoạt động nhóm	Trắc nghiệm, Tự luận, Bài tập nhóm
CLO5	K3	<i>Hiểu</i> kiến thức về Quốc hội	Hỏi đáp, thuyết giảng	Tự luận
CLO6	K3	<i>Hiểu</i> kiến thức về Chủ tịch nước	Hỏi đáp, thuyết giảng	Tự luận
CLO7	K3	<i>Hiểu</i> kiến thức về Chính phủ	Hỏi đáp, thuyết giảng	Tự luận
CLO8	K4, S4	<i>Hiểu</i> kiến thức về Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và <i>Thực hiện</i> đặt vấn đề trong bối cảnh tổ chức và hoạt động của các cơ quan trên trong thực tế	Hỏi đáp, thuyết giảng, hoạt động nhóm	Tự luận
CLO9	K4,S4	<i>Hiểu</i> kiến thức về Chính quyền địa phương và <i>Thực hiện</i> hoạt động đánh giá tổ chức và hoạt động của các cơ quan trên trong thực tế	Hỏi đáp, thuyết giảng, hoạt động nhóm	Tự luận, Bài tập cá nhân

21. POL31008: Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin

Mô tả học phần

Giới thiệu tác phẩm Mác - Lênin là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Giáo dục chính trị, được thực hiện trong học kỳ 4. Học phần gồm 7 tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Qua đó giúp người học nắm được một cách có hệ thống lịch sử hình thành, phát triển cũng như nội dung cơ bản và ý nghĩa của các tư tưởng về triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm hình thành năng lực vận dụng để giảng dạy có hiệu quả chương trình Giáo dục công dân ở bậc THPT

cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị sau khi ra trường; đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề của đời sống chính trị xã hội, bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu học phần: Sinh viên hiểu được nội dung và ý nghĩa phương pháp luận những quan điểm về lý luận chính trị, kinh tế C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin trong một số tác phẩm tiêu biểu. Đồng thời thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần, góp phần rèn luyện tư duy phân biệt các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề của đời sống kinh tế, chính trị xã hội; bồi dưỡng phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	<i>Phân tích</i> được nội dung và ý nghĩa giá trị những góp quan trọng của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin trong phát triển lý luận về triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học trong các tác phẩm tiêu biểu.	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	- Tự luận
CLO2.1	S3	<i>Thể hiện</i> khả năng phân biệt các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề của đời sống kinh tế, chính trị xã hội.	- Thảo luận nhóm	- Bài tập nhóm
CLO2.2	A3	<i>Thể hiện</i> phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam	- Tự học	- Quan sát - Bài tập cá nhân

22. LAW30048: Hệ thống pháp luật Việt Nam

Mô tả học phần: Môn học Hệ thống pháp luật Việt Nam là một môn học pháp lý cơ sở ngành đồng thời là môn học có vai trò quan trọng, là nền tảng cho việc nghiên cứu các quy định của pháp luật đối với các quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể trong thực tiễn đời sống. Môn học Hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật như Luật dân sự, Luật hình sự, Luật hành chính, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp... Trong đó, các chế định cơ bản của các ngành luật như quyền – nghĩa vụ cơ bản của công dân, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, quyền sở hữu tài sản, hợp đồng dân sự, thừa kế tài sản, tội phạm – hình phạt, quản lý nhà nước, hôn nhân gia đình... là cơ sở quan trọng để xác định quyền, nghĩa vụ của các chủ thể là cá nhân, cơ quan, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ xã hội do pháp luật điều chỉnh; làm tiền đề để xử phạt các hành vi xâm phạm, giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa các chủ thể đó.

Mục tiêu học phần: Sinh viên có khả năng hiểu được kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó tập trung rèn luyện tư duy hệ thống, phân biệt và sáng tạo các vấn đề liên quan đến các quy định của pháp luật; đồng thời có khả năng hợp tác, khả năng làm việc nhóm trong nghiên cứu khoa học và khả năng giao tiếp đa phương thức. Ngoài ra còn vận dụng được kiến thức pháp luật trong thiết kế và triển khai các hoạt động giảng dạy.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Hiểu các quy định chung về pháp luật dân sự và quan hệ pháp luật dân sự và các chế định	Phương pháp thuyết trình (Tài liệu trực tuyến)	Câu hỏi thảo luận trên elearning
			Phương pháp tình	Bài tập thực hành

		<p>như tài sản và quyền sở hữu, thừa kế.</p> <p>Hiểu và phân tích được các quy định trong việc giải quyết một số vấn đề pháp lý.</p>	<p>huống</p> <p>Phương pháp hỏi đáp</p>	<p>Bài thi tự luận</p> <p>Chủ đề làm đồ án</p> <p>1. Phân tích và đánh giá về quan hệ nhân thân trong pháp luật dân sự hiện nay với các quy định trong Hiến pháp 2013 và các công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị 1966</p> <p>2. Phân tích và đánh giá về chế định tài sản và quyền sở hữu, đưa ra những kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.</p> <p>3....</p>
CLO1.2	K4	<p>Hiểu và phân tích được các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn; các quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng và các thành viên khác trong gia đình.</p>	<p>Phương pháp thuyết trình</p> <p>(Tài liệu trực tuyến)</p>	<p>Phương pháp đánh giá</p> <p>Câu hỏi thảo luận trên elearning</p>
			<p>Phương pháp tình huống</p>	<p>Bài tập thực hành</p> <p>Bài thi tự luận</p>
			<p>Phương pháp hỏi đáp</p>	<p>Chủ đề làm đồ án:</p> <p>1. Phân tích và bình luận các quy định của pháp luật hiện hành về điều kiện kết hôn (có sự so sánh với các quy định của luật hôn nhân gia đình năm 2000)</p> <p>2. Phân tích quy định của pháp luật và đánh giá về thực tiễn thực hiện các quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng.</p>
CLO1.3	K4	<p>Hiểu và phân tích được các quy định chung về luật hình sự và trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội.</p> <p>Hiểu được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự và phân tích, đánh giá</p>	<p>Phương pháp thuyết trình</p> <p>(Tài liệu trực tuyến)</p>	<p>Câu hỏi thảo luận trên elearning</p>
			<p>Phương pháp tình huống</p>	<p>Bài tập thực hành</p> <p>Bài thi tự luận</p>
			<p>Phương pháp hỏi đáp</p>	<p>Chủ đề làm đồ án</p> <p>1. Phân tích và đánh giá về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm</p>

		được một số vấn đề về tội phạm và hình phạt		tội trong giai đoạn hiện nay. 2. Phân tích và đánh giá về một tội phạm hoặc hình phạt cụ thể trong Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đưa ra những kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này. 3....
CLO1.4	K4	Hiểu quan hệ pháp luật lao động, các quy định chung về pháp luật lao động, an sinh xã hội Vận dụng được các quy định trong việc giải quyết một số vấn đề pháp lý.	Phương pháp thuyết trình (Tài liệu trực tuyến)	Câu hỏi thảo luận trên elearning
			Phương pháp tình huống	Bài tập thực hành Bài thi tự luận
			Phương pháp hỏi đáp	Chủ đề làm đồ án 1. Phân tích các điểm mới của Bộ luật lao động 2019 và tác động đến quan hệ lao động 2. Phân tích và đánh giá về chế định bảo hiểm xã hội, đưa ra những kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.
CLO1.5	K4	Hiểu và phân tích được các vấn đề mang tính khái quát về doanh nghiệp cũng như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	Phương pháp thuyết trình (Tài liệu trực tuyến)	Câu hỏi thảo luận trên elearning
			Phương pháp tình huống	Bài tập thực hành Bài thi tự luận
			Phương pháp hỏi đáp	Chủ đề làm đồ án 1. Phân tích và đánh giá các quy định pháp luật về trách nhiệm xã hội hiện nay; đánh giá việc áp dụng các quy định này trên thực tiễn và đưa ra những kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này. 2. Phân tích và đánh giá các quy định pháp

				luật về thủ tục hành chính áp dụng đối với doanh nghiệp; đánh giá việc áp dụng các quy định này trên thực tiễn và đưa ra những kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.
CLO2		Thực hiện được đánh giá, phản biện vấn đề pháp lý trong một số lĩnh vực của pháp luật (DS, HN, HS, LĐ, DN)	Phương pháp tổng hợp, so sánh tương phản	BT cá nhân BT Nhóm Đồ án
CLO3	S3	Thành thạo kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu khoa học và làm việc nhóm	Phương pháp tổng hợp, so sánh, đánh giá	BT cá nhân BT Nhóm Đồ án
CLO4	C3	Sinh viên vận dụng được kiến thức pháp luật trong thiết kế và triển khai các hoạt động giảng dạy. (liên quan đến bối cảnh xã hội đất nước sống và làm việc theo pháp luật....)	Phương pháp tổng hợp, so sánh, đánh giá...	BT cá nhân BT Nhóm Đồ án

23. POL30042: Hệ thống chính trị Việt Nam

Mô tả học phần: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần này đi sâu nghiên cứu, phân tích cấu trúc, đặc trưng của hệ thống chính trị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, đặc biệt là giai đoạn từ 1945 đến nay. Nghiên cứu học phần này sẽ giúp sinh viên đề xuất được những giải pháp để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần: Học phần Hệ thống chính trị Việt Nam trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về hệ thống chính trị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Môn học rèn luyện tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống cho sinh viên, giúp họ có định hướng chính trị đúng đắn trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay; rèn luyện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Giải thích được khái niệm cấu trúc và đặc trưng, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của hệ thống chính trị	Thuyết trình	TNKQ
CLO1.2	K4	Áp dụng kiến thức về hệ thống chính trị vào nghiên cứu HTCT ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử và	Thuyết trình	TNKQ, tự luận

		trong giai đoạn hiện nay		
CLO2.1	S4	Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân biện trong nghiên cứu hệ thống chính trị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử và trong giai đoạn hiện nay	Tự học	Quan sát,
CLO2.2	S4	Rèn luyện kỹ năng tư duy hệ thống trong nghiên cứu hệ thống chính trị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử và trong giai đoạn hiện nay	Tự học	Quan sát
CLO3.1	S3	Thực hiện kỹ năng hợp tác trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành	Làm việc nhóm	Hồ sơ học phần
CLO3.2	S3	Thực hiện kỹ năng làm việc nhóm trong các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học chuyên ngành	Làm việc nhóm	Hồ sơ học phần

24. POL31036: Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Mô tả học phần: **Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam** là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo sư phạm Giáo dục Chính trị.

Học phần này cung cấp một số kiến thức chuyên sâu về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, như: tổng quan về hội nhập kinh tế quốc tế; các tổ chức kinh tế quốc tế nổi bật hiện nay; thực tiễn hội nhập kinh tế của Việt Nam (quá trình hội nhập, thành tựu, hạn chế, thời cơ, thách thức và giải pháp đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam). Trên cơ sở đó, trang bị kiến thức cho sinh viên vận dụng vào quá trình giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông. Đồng thời, quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập của môn học cũng góp phần rèn luyện khả năng tự học và các kỹ năng mềm cho sinh viên như: kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và phân biện các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế...

Mục tiêu học phần:

Sinh viên hiểu và giải thích được những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và phân biện các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Giúp sinh viên phát huy ý thức tự học, tự chủ, quản lý thời gian hiệu quả để phục vụ cho nhiệm vụ học tập.

Sinh viên phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam. Đồng thời, có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế nội dung bài giảng môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật trên cơ sở vận dụng kiến thức về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	<i>Giải thích</i> được những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	Thuyết trình	Tự luận

CLO2.1	S3	<i>Thể hiện kỹ năng phân tích, đánh giá và phân biệt các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.</i>	Thảo luận nhóm	Bài tập nhóm; Tự luận
CLO3.1	A3	<i>Thể hiện ý thức tự học, tự rèn luyện, tự chủ trong quá trình học tập.</i>	- Tự học - Thảo luận nhóm	Quan sát
CLO4.1	C3	<i>Hình thành ý tưởng, thiết kế nội dung bài giảng môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật trên cơ sở vận dụng kiến thức về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.</i>	Thảo luận nhóm	Tự luận

25. POL30018: Chuyên đề triết học

Mô tả học phần

Chuyên đề triết học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành Giáo dục chính trị. Học phần gồm 3 chương, trình bày những nội dung cơ bản, cấp thiết về lý luận và thực tiễn như: thế giới quan duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, lý luận hình thái kinh tế - xã hội, vấn đề triết học chính trị, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam hiện nay. Qua đó giúp người học nắm được một cách có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận để vận dụng vào giảng dạy chương trình Giáo dục công dân ở bậc THPT; đồng thời có khả năng phân tích, đánh giá các các vấn đề của đời sống chính trị xã hội và bồi dưỡng phẩm chất chính trị.

Mục tiêu học phần

Giúp sinh viên hiểu được nội dung và ý nghĩa phương pháp luận của các quan điểm, học thuyết triết học về những vấn đề cơ bản, cấp thiết của lý luận và thực tiễn, từ đó vận dụng vào vào hoạt động giáo dục, dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông. Đồng thời thông qua thực hiện các nhiệm vụ học tập của học phần, góp phần rèn luyện tư duy hệ thống cho sinh viên trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề của đời sống chính trị xã hội, củng cố niềm tin vào sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	<i>Phân tích</i> được nội dung và ý nghĩa phương pháp luận của các quan điểm, học thuyết triết học về những vấn đề cơ bản, cấp thiết của lý luận và thực tiễn	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	- Tự luận
CLO2.1	S3	<i>Thể hiện</i> tư duy hệ thống trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề của đời sống chính trị xã hội	- Thảo luận nhóm	- Bài tập nhóm - Bài tự luận
CLO3.1	A3	<i>Thể hiện</i> phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	- Tự học	- Quan sát; - Bài tập cá nhân
CLO4.1	C3	<i>Phân tích</i> bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông	- Thuyết trình - Thảo luận	- Bài tự luận

26. POL30017: Chuyên đề kinh tế chính trị

Mô tả học phần: Chuyên đề Kinh tế chính trị là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo sư phạm Giáo dục Chính trị. Môn học này cung cấp một số kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị dưới hình thức giảng dạy dự án. Qua đó, bồi dưỡng cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu khoa học và vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức đó vào bài giảng.

Mục tiêu học phần: Học phần Chuyên đề Kinh tế chính trị trang bị một số kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị như: cung, cầu, cơ chế hoạt động của thị trường; phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam... Đồng thời, quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập của môn học góp phần rèn luyện một số kỹ năng cho sinh viên như: kỹ năng giao tiếp đa phương thức, kỹ năng phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề, bồi dưỡng tư duy phản biện,... Từ đó, sinh viên hình thành được ý tưởng, lên kế hoạch cho việc thực hiện đề tài dự án và vận dụng vào bài giảng trong tương lai.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CĐR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	<i>Giải thích</i> được kiến thức trong các chuyên đề kinh tế chính trị	-Thuyết trình -Thảo luận	Tự luận
CLO2.1	S3	<i>Thể hiện</i> tư duy phản biện, kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến đề tài đồ án	Đồ án	Chấm đồ án
CLO3.1	S3	<i>Thể hiện</i> kỹ năng giao tiếp đa phương thức (văn bản, thuyết trình, giao tiếp sư phạm...)	Viết và công bố các sản phẩm dự án .	- Quan sát - Chấm các sản phẩm dự án (Bản Kế hoạch; Đề cương; và sản phẩm đồ án)
CLO4.1	C3	<i>Hình thành</i> ý tưởng thiết kế nội dung dạy học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.	Làm việc nhóm	Chấm Kế hoạch dự án
CLO4.2	C3	<i>Thiết kế</i> hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành	Đồ án	Chấm đề cương đồ án
CLO4.3	C3	<i>Triển khai</i> hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học chuyên ngành	Đồ án	Chấm đồ án

27. POL31027: Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả học phần: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị. Học phần này đi sâu nghiên cứu, phân tích những vấn đề cốt lõi của Chủ nghĩa xã hội khoa học. Nghiên cứu học phần này sẽ giúp sinh viên xây dựng được những giải pháp giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần: Học phần Chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn liên quan đến các nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như: xây dựng giai cấp công nhân, về con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam, về vấn đề dân tộc và tôn giáo. Thông qua môn học, sinh viên có thể phân tích được bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật để phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Áp dụng các kiến thức nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam	Thuyết trình	TNKQ, tự luận
CLO1.2	K4	Áp dụng các kiến thức nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn quá độ lên CNXH ở Việt Nam	Thuyết trình	TNKQ, tự luận
CLO1.3	K4	Áp dụng các kiến thức nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin vào giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.	Thuyết trình	Tự luận
CLO2.1	S3	Thể hiện kỹ năng giải quyết các vấn đề dân tộc	Tự học	Quan sát
CLO2.2	S3	Thể hiện kỹ năng giải quyết các vấn đề tôn giáo	Tự học	Quan sát
CLO2.3	A3	Bộc lộ bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng vào CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Tự học	Quan sát
CLO3.1	S3	Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm trong nghiên cứu khoa học chuyên ngành	Làm việc nhóm	Hồ sơ học phần
CLO4.1	C3	Phân tích được bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông để thực hiện quyền dân chủ và môi trường giáo dục thân thiện trong trường học, xây dựng văn hóa nhà trường.	Làm việc nhóm	Hồ sơ học phần

28. POL30028: Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mô tả học phần: Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc khối kiến chuyên ngành gồm 3 tín chỉ, trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; giáo dục sâu sắc những kinh nghiệm, bài học trong lãnh đạo của Đảng, tiếp tục thực hiện sứ mệnh vẻ vang của Đảng lãnh đạo bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống các nội dung kiến thức chuyên sâu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1930 - đến nay. Giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và dân tộc; vận dụng những bài học kinh nghiệm để làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Chống nguy cơ sai lầm về đường lối, nguy cơ quan liêu, tham nhũng, xa rời quần chúng và những biểu hiện tiêu cực khác.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1		Giải thích được nội dung cơ bản	Thuyết trình,	Tự luận, Trắc

	K3	về đường lối lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay	làm việc nhóm, thảo luận	nghiệm, vấn đáp
CLO1.2	K3	<i>Áp dụng</i> kiến thức chuyên sâu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đối với vấn đề xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay	Thuyết trình Bài tập, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, Trắc nghiệm, hồ sơ học tập
CLO2.1	A3	<i>Thể hiện</i> bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.	Thuyết trình Bài tập, thảo luận	Tự luận, Trắc nghiệm, hồ sơ học tập
CLO2.3	S3	<i>Về kỹ năng</i> Góp phần trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.	Thuyết trình, làm việc nhóm,	Tự luận, Trắc nghiệm, vấn đáp

29. POL30029: Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả học phần:

Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần chuyên sâu về tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục Chính trị, ở kỳ 6. Nội dung học phần gồm tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về giáo dục; về kinh tế và giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên. Học phần sẽ giúp sinh viên nhận thức sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam của Đảng, của dân tộc ta. Đồng thời, gợi mở một số quan điểm định hướng, nội dung vận dụng tư tưởng của Người về các lĩnh vực cụ thể, từ đó người học nâng cao ý thức, trách nhiệm đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước.

Mục tiêu học phần: Sinh viên hiểu được những kiến thức chuyên sâu về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng. Đồng thời, sinh viên nâng cao được các phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic về tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt, học phần giúp sinh viên nhận thức được bối cảnh mới với yêu cầu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh một cách sáng tạo vào phục vụ cho sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Diễn giải được các kiến thức chuyên sâu về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng	Thuyết giảng/ Thảo luận/tự học	Quan sát/ vấn đáp, Hồ sơ học tập/Câu hỏi TNKQ
CLO2.1	A4	Nâng cao được bản lĩnh, niềm tin chính trị và vận dụng được đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.	Bài tập/Thảo luận/tự học	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/ Câu hỏi tự luận/ Phiếu đánh giá
CLO2.2	S4	Nâng cao được các kỹ năng tư duy logic trong học tập tư tưởng Hồ Chí	Bài tập/ Thảo luận/tự học	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/

		Minh.		Câu hỏi tự luận/Phiếu đánh giá
CLO3.1	S4	Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm trong thảo luận nội dung học phần.	Bài tập/ Thảo luận/tự học	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/ Câu hỏi tự luận/Phiếu đánh giá
CLO4.1	C4	Phân tích được bối cảnh mới với yêu cầu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh một cách sáng tạo vào phục vụ cho sự nghiệp đổi mới đất nước.	Bài tập/ Thảo luận/tự học	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/ Câu hỏi tự luận/Phiếu đánh giá

30. POL31033: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Mô tả học phần: Học phần có 5 tín chỉ trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và năng lực vận dụng những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học bộ môn, các nguyên tắc dạy học, hệ thống các phương pháp dạy học cùng với một số kỹ năng sư phạm cần thiết, các hình thức tổ chức dạy học trong môn Giáo dục công dân; Giáo dục kinh tế và pháp luật. Đây là học phần cơ bản, đóng vai trò là nền tảng cho toàn bộ khối kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của giáo viên Giáo dục công dân ở trường phổ thông.

Mục tiêu học phần: Học phần này giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học bộ môn Giáo dục công dân; Giáo dục kinh tế và pháp luật. Sinh viên hình thành kỹ năng tự học trên cơ sở đó hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành nghề trong quá trình chiếm lĩnh tri thức bộ môn làm nền tảng cho quá trình rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp giáo viên Giáo dục công dân.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CLO1. Hiểu được hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận dạy học bộ môn Giáo dục công dân, Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.

CLO2. Thể hiện kỹ năng tự học; kỹ năng phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh.

CLO4. Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật để từ đó hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai các hoạt động dạy học chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật.

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Hiểu những vấn đề chung về lý luận chung về dạy học bộ môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	-Thuyết trình - Giảng trên lớp	Trắc nghiệm
CLO2.1	S3	Thể hiện kỹ năng tự học, tự tìm kiếm thông tin phục vụ cho quá trình học tập môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Thảo luận/tự học	Quan sát/ Phiếu đánh giá/bài thảo luận (cá nhân và nhóm)
CLO2.2	S3	Thể hiện kỹ năng lồng ghép các hoạt động tự vấn, hỗ trợ học sinh trong quá trình dạy học môn Giáo dục kinh tế và	Thảo luận/tự học	Quan sát/ Phiếu đánh giá/bài thảo luận (cá nhân và nhóm)

		pháp luật.		
CLO4.1	C3	Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật để phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh	Thảo luận/tự học	Quan sát/ Phiếu đánh giá/bài thảo luận (cá nhân và nhóm)
CLO4.2	C3	Quản triệt và vận dụng kiến thức về lý luận dạy học trong việc hình thành, triển khai và thực hiện các hoạt động dạy học và giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Thảo luận/Thực hành/tự học	Quan sát/ Phiếu đánh giá/bài thảo luận (cá nhân và nhóm)/trắc nghiệm tự luận

31. POL30044: Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Mô tả học phần

Học phần **Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật** là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị. Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận về phát triển chương trình phổ thông nói chung và phát triển chương trình môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật, đồng thời giúp người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp của bộ môn tại trường phổ thông. Từ đó, người học có nhận thức đúng đắn về vai trò của mình trong việc phát triển chương trình môn học; có kế hoạch, phương pháp học tập, vận dụng vào thực tiễn dạy học ở trường phổ thông.

Mục tiêu học phần

Học phần **Phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật** giúp người học lĩnh hội được kiến thức và vận dụng kiến thức phát triển chương trình môn học trong việc xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục ở trường phổ thông. Đồng thời giúp người học rèn luyện được các kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông; thể hiện đạo đức, phong cách nhà giáo cũng như hình thành được ý tưởng/Thiết kế/Triển khai hoạt động phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Vận dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về phát triển chương trình phổ thông	Thuyết giảng/ Thảo luận	Câu hỏi tự luận/ vấn đáp
CLO1.2	K3	Vận dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về phát triển chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	Thuyết giảng/ Thảo luận	Câu hỏi tự luận/ vấn đáp
CLO2.1	S3	Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề	Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá

CLO2.2	S3	Thể hiện kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực	Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá
CLO2.3	A4	Thể hiện đạo đức và phong cách nhà giáo	Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá
CLO3.1	S4	Thực hiện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	Trải nghiệm/hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.1	C3	Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí và đặc điểm môn học, vai trò của giáo viên Giáo dục kinh tế và pháp luật	Thực hành/ trải nghiệm/ hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá
CLO4.2	C3	Hình thành được ý tưởng/thiết kế/triển khai đề tài dự án về phát triển chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật	Thực hành/ thảo luận/hoạt động nhóm	Phiếu đánh giá

32. POL30043: Kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Mô tả học phần

Học phần có 4 tín chỉ trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và năng lực cơ bản về kiểm tra, đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh trong giáo dục phổ thông. Đồng thời sinh viên được cung cấp kiến thức và hình thành năng lực vận dụng những vấn đề cơ bản về kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Mục tiêu học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiểm tra, đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật trên cơ sở đó sinh viên hình thành kỹ năng tìm kiếm và kết nối thông tin thực hiện tốt nhiệm vụ đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh. Sinh viên hình thành ý tưởng, thiết kế và thực hiện được các phương pháp, hình thức, công cụ đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CLO1. Hiểu được hệ thống kiến thức cơ bản về kiểm tra, đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

CLO2. Thể hiện kỹ năng tự học và kỹ năng sử dụng hiệu quả các phần mềm thực hiện nhiệm vụ đánh giá học sinh trong dạy học và hoạt động giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

CLO4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện các phương pháp, hình thức, công cụ kiểm tra, đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày được các nội dung cơ bản của kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong dạy học ở trường phổ thông.	- Thuyết trình - Giảng trên lớp	Trắc nghiệm
CLO2.1	S3	Thể hiện kỹ năng tự học trong thực hiện nhiệm vụ học tập.	Thảo luận/tự học	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
CLO2.2	S3	Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để kiểm tra, đánh giá	Thảo luận/tự học/ thực hành	

		giá năng lực học sinh.		
CLO4.1	C3	Phân tích bối cảnh nhà trường, vị trí, đặc điểm môn học để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh trng môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Thảo luận/tự học	Phiếu đánh giá theo tiêu chí
CLO4.2	C3	Vận dụng kiến thức trong việc hình thành, triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Thảo luận/Thực hành/tự học	Phiếu đánh giá theo tiêu chí

33. POL30050: Xây dựng kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Mô tả học phần: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhằm xây dựng kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. Qua đó, sinh viên có đủ năng lực thực hiện các nội dung và yêu cầu khi tham gia giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở THPT.

Mục tiêu học phần: Học xong học phần này, sinh viên có khả năng khái quát được những vấn đề chung về xây dựng kế hoạch dạy học trong nhà trường phổ thông. Xây dựng được kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. Phân tích, đánh giá được kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật thông qua trường hợp thực tiễn. Thực hiện được kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, rèn luyện tư duy hệ thống, phản biện và sáng tạo. Sử dụng được công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động thiết kế kế hoạch dạy học trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Khái quát được những vấn đề chung về xây dựng kế hoạch dạy học trong nhà trường phổ thông	-Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp - Seminar	Tự luận, Vấn đáp
CLO2.1	K4	Xây dựng được kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	-Thuyết trình trên elearning (Scorm) - Giảng trên lớp - Seminar	Tự luận, hồ sơ học tập
CLO2.2	S3	Phân tích, đánh giá được kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật thông qua trường hợp thực tiễn	- Giảng trên lớp - Seminar	Tự luận, quan sát
CLO3.1	S3	Rèn luyện <i>kỹ năng hợp tác trong thực</i> hoàn thành nhiệm vụ học tập Rèn luyện <i>kỹ năng lập kế hoạch và triển khai hoạt động nhóm</i> hoàn thành nhiệm vụ học tập. Rèn luyện <i>kỹ năng giao tiếp</i> thông qua thuyết trình các nhiệm vụ học tập.	- Làm việc nhóm - Seminar	Tự luận, hồ sơ học tập, quan sát

CLO3.2	C3	Sử dụng được công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động xây dựng kế hoạch dạy học trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	- Làm việc nhóm - Seminar	Tự luận
--------	----	--	------------------------------	---------

34. POL30049: Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Mô tả học phần: Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần này trang bị cho sinh viên những kỹ năng, phương pháp cơ bản nhằm thực hiện các hoạt động dạy học và giáo dục trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. Qua đó, sinh viên có đủ năng lực thực hiện các nội dung và yêu cầu khi tham gia giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở THPT.

Mục tiêu học phần: Học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng được kiến thức chuyên sâu về giáo dục kinh tế và pháp luật vào dạy học. Thể hiện được đạo đức và phong cách nhà giáo. Thực hiện được các kỹ năng: phân tích, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, quản lý nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tạo lập văn bản. Sử dụng được công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động thiết kế kế hoạch bài dạy và hoạt động giáo dục trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. Triển khai, tổ chức được các hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra, đánh giá. Đề xuất được các biện pháp cải tiến hoạt động dạy học, giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. Đề xuất các biện pháp cải tiến chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở THPT.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	S4	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về giáo dục kinh tế và pháp luật vào dạy học.	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận
CLO1.2	A4	Thể hiện được đạo đức và phong cách nhà giáo.	Thảo luận, làm việc nhóm	Quan sát
CLO2.1	S4	Thực hiện được các kỹ năng: phân tích, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, quản lý nhóm.	Thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO2.2	S4	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tạo lập văn bản.	Thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO2.3	S4	Sử dụng được công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động thiết kế kế hoạch bài dạy và hoạt động giáo dục trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO3.1	C4	Triển khai, tổ chức được các hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO4.1	C3	Đề xuất được các biện pháp cải tiến hoạt động dạy học, giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận
CLO4.2	C3	Đề xuất các biện pháp cải tiến chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận

35. POL31038: Văn hóa chính trị

Mô tả học phần: Văn hóa chính trị (VHCT) là học phần thuộc khối kiến thức nâng cao của chuyên ngành Giáo dục Chính trị. Học phần gồm có 1 tín chỉ lý thuyết và 3 tín chỉ dự án. Tín chỉ lý thuyết bao gồm những nội dung cơ bản về VHCT, từ cách tiếp cận nghiên cứu, định nghĩa, cấu trúc, nội dung và chức năng văn hóa chính trị, về xã hội hóa chính trị, phương hướng và giải pháp xây dựng VHCT Việt Nam. 3 tín chỉ dự án gồm các hoạt động được tổ chức cho sinh viên tiếp cận, thực hiện một số kỹ năng để hình thành ý tưởng/thiết kế/triển khai/cải tiến dự án. Thông qua học phần, người học ý thức được trách nhiệm của mình trong việc xây dựng VHCT Việt Nam, thực hiện được một đề tài nghiên cứu khoa học góp phần thúc đẩy những giá trị dân chủ và tiến bộ trong lĩnh vực chính trị.

Mục tiêu học phần: Học phần nhằm đảm bảo sinh viên có khả năng phân tích và vận dụng các kiến thức cơ bản về văn hóa chính trị vào giải quyết các vấn đề thực tiễn văn hóa chính trị Việt Nam thông qua các dự án học phần/đề tài nghiên cứu khoa học. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng như: tư duy hệ thống, logic, giải quyết vấn đề về VHCT; hợp tác, làm việc nhóm... Từ đó, giúp sinh viên hình thành được ý tưởng/thiết kế/triển khai đề tài dự án về VHCT.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Phân tích được khái niệm, cách tiếp cận nghiên cứu, cấu trúc, nội dung và chức năng văn hóa chính trị	Thuyết giảng/ Thảo luận	Bảng kiểm/ Câu hỏi TNKQ
CLO1.2	K4	Phân tích được nội dung xã hội hóa chính trị và văn hóa chính trị Việt Nam	Thuyết giảng/ Thảo luận	Bảng kiểm/ Câu hỏi TNKQ
CLO1.3	K4	Phân tích được quy trình, phương pháp nghiên cứu khoa học, xây dựng đề cương một đề tài văn hóa chính trị	Thuyết giảng/ Thảo luận	Bảng kiểm/ Phiếu đánh giá
CLO2.1	S4	Thể hiện tư duy hệ thống, logic, giải quyết vấn đề về văn hóa chính trị	Thảo luận/ hoạt động nhóm	- Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá) - Hồ sơ học tập.
CLO2.2	S4	Thể hiện kỹ năng tự học, lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực trong lập kế hoạch và thực hiện dự án học phần	Thảo luận/ hoạt động nhóm	- Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá) - Hồ sơ học tập.
CLO3.1	S4	Thực hiện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm trong lập kế hoạch và thực hiện dự án học phần	Thảo luận/ hoạt động nhóm	- Hồ sơ học tập. - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá)

CLO3.2	S4	Thực hiện giao tiếp đa phương thức trong thực hiện dự án học phần	Thảo luận /hoạt động nhóm	- Hồ sơ học tập. - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá)
CLO4.1	C4	Hình thành được ý tưởng/thiết kế/triển khai 1 đề tài dự án về văn hóa chính trị.	Thảo luận/ hoạt động nhóm	- Hồ sơ học tập. - Chấm các sản phẩm dự án (Phiếu đánh giá)

36. LAW31017: Luật Quốc tế

Mô tả học phần: Luật quốc tế là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được thực hiện dạy và học ở kỳ 7 của chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị. Sinh viên được học kiến thức cơ bản và nâng cao về pháp luật quốc tế; được rèn luyện các kỹ năng về tư duy phản biện, tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua học phần. Học phần Luật quốc tế hình thành cho sinh viên khả năng tư duy vĩ mô về vấn đề nhà nước và pháp luật. Học phần là lựa chọn phù hợp để sinh viên có cái nhìn tổng quát về toàn cảnh mối quan hệ phong phú và phức tạp giữa các quốc gia, cũng như có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về nhà nước và hệ thống pháp luật quốc gia của Việt Nam.

Mục tiêu học phần: Học phần Luật quốc tế cung cấp khối kiến thức cơ bản và nâng cao về pháp luật quốc tế, là bộ phận pháp luật điều chỉnh các quan hệ quốc tế giữa các quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế. Thông qua học phần, sinh viên vận dụng chính xác kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo. Sinh viên được tiếp cận các phương pháp giảng dạy và học hiện đại, lấy người học làm trung tâm.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Hiểu các kiến thức về khái niệm, chủ thể, nguồn, nguyên tắc cơ bản, trách nhiệm pháp lý và một số quan hệ pháp luật trong lĩnh vực pháp luật quốc tế	- Thuyết trình - Tự học - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận	- Trắc nghiệm - Tự luận - Phỏng vấn
CLO1.2	K4	Phân tích việc thực hiện nghĩa vụ pháp lý quốc tế trong các lĩnh vực pháp luật quốc tế của các quốc gia, trong đó có Việt Nam	- Thuyết trình - Tự học - Làm việc nhóm - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận	- Tự luận - Báo cáo bài tập nhóm - Thuyết trình bài thu hoạch nhóm - Quan sát - Phỏng vấn
CLO2.1	S4	Thành thạo xem xét, đánh giá các quy định luật quốc tế, các vấn đề pháp lý quốc tế trong sự tác động của các yếu tố/hiện tượng xã hội khác;	- Thuyết trình - Tự học - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận - Làm việc nhóm	- Tự luận - Quan sát - Phỏng vấn - Bài tập cá nhân
CLO2.2	S4	Thành thạo sử dụng bồi	- Bài tập	- Tự luận

		cảnh xã hội để làm tiêu chuẩn đánh giá, phản biện các hiện tượng pháp lý trong lĩnh vực luật quốc tế	- Tự học - Làm việc nhóm - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận	- Quan sát - Phỏng vấn - Bài tập cá nhân
CLO2.3	S4	<i>Thành thạo</i> sử dụng kiến thức pháp luật quốc tế để giải quyết các vấn đề pháp lý quốc tế trong thực tiễn	- Bài tập - Tự học - Làm việc nhóm - Nghiên cứu tình huống - Thảo luận	- Tự luận - Quan sát - Phỏng vấn - Bài tập cá nhân

37. Tự chọn 3

37.1. POL30030: Công tác Đảng và công tác đoàn thể

Mô tả học phần: Công tác Đảng và công tác đoàn thể là học phần tự chọn thuộc khối khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị những nội dung bản về Đảng và các tổ chức đoàn thể chủ yếu được thành lập, hoạt động trong nhà trường ở Việt Nam, bao gồm tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Công đoàn; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Cung cấp cho các nhà giáo dục các vấn đề liên quan đến mục tiêu, chương trình, nhiệm vụ của từng tổ chức nhằm tạo điều kiện để làm tốt công tác giáo dục toàn diện giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Mục tiêu học phần: Học phần Công tác Đảng và công tác đoàn thể giới thiệu khái quát về vai trò, vị trí, chức năng của tổ chức Đảng và đoàn thể trong nhà trường, qua đó hình thành cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về Đảng và đoàn thể trong trường học để nhằm phát triển nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Qua học tập còn góp phần phát triển kỹ năng tổ chức, hoạt động và làm việc nhóm cho sinh viên.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về công tác Đảng và đoàn thể trong trường học	Thuyết trình, làm việc nhóm	Trắc nghiệm
CLO2.1	S4	Thực hiện được các kỹ năng khám phá, phát triển tri thức về công tác Đảng và đoàn thể trong trường học	Tự học, nghiên cứu tình huống	Quan sát, Hồ sơ học phần
CLO3.1	S4	Phát triển được kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác và lãnh đạo nhóm về những nội dung liên quan đến công tác Đảng và đoàn thể trong trường học	Thuyết trình, Tự học, nghiên cứu tình huống	Quan sát, Hồ sơ học phần, tự luận

37.2. POL30045: Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông

Mô tả học phần: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp cơ bản nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông. Từ đó giúp sinh viên tự tin tham gia dạy học kỹ năng sống tại các trường phổ thông.

Mục tiêu học phần: Học xong học phần này sinh viên sẽ hiểu được kiến thức cơ bản về Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông. Phân tích, lựa chọn được những nội dung,

phương pháp, kĩ thuật dạy học cơ bản trong giáo dục kĩ năng sống cho học sinh phổ thông. Hình thành được kĩ năng giải quyết vấn đề, hợp tác, làm việc nhóm.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (PLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Hiểu được kiến thức cơ bản về Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận
CLO1.2	K3	Phân tích, lựa chọn, vận dụng được những nội dung, phương pháp, kĩ thuật dạy học cơ bản trong giáo dục kĩ năng sống cho học sinh phổ thông	Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO2.1	S4	Thể hiện được ý thức tự học, tự rèn luyện; tự chủ, linh hoạt.	Thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO2.2	S4	Thực hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và giảng dạy; Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác nhóm, quản lý nhóm	Thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát
CLO3.1	S3	Sử dụng công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phổ thông	Thảo luận, làm việc nhóm	Tự luận, quan sát

37.3. POL30046: Khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo trong ngành Giáo dục Chính trị

Mô tả học phần: *Khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo trong ngành Giáo dục Chính trị* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo sư phạm Giáo dục Chính trị. Học phần này cung cấp một số kiến thức về khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo như: lên ý tưởng khởi nghiệp, xác định điều kiện khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp, tình hình khởi nghiệp trong nước và quốc tế, các phương pháp tư duy sáng tạo... Trên cơ sở đó, góp phần trang bị kiến thức để sinh viên có thể khởi nghiệp, lập thân, lập nghiệp và vận dụng vào hoạt động giảng dạy trong tương lai. Đồng thời, quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập của môn học cũng góp phần rèn luyện cho sinh viên khả năng tự học, tự chủ, quản lý hiệu quả thời gian.

Mục tiêu học phần:

Sinh viên hiểu và giải thích được những kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo.

Sinh viên được bồi dưỡng ý thức tự học, tự rèn luyện, tự chủ trong quá trình học tập.

Sinh viên phân tích được bối cảnh kinh tế - xã hội và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo. Qua đó, hình thành ý tưởng khởi nghiệp và ý tưởng thiết kế nội dung liên quan đến khởi nghiệp trong môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật ở bậc THPT.

Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
--------------------	-------------------	--------------------	---------------------	----------------------

CLO1.1	K4	<i>Phân tích</i> được những kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	Tự luận
CLO2.1	A3	<i>Thể hiện</i> ý thức tự học, tự rèn luyện, tự chủ trong quá trình học tập.	- Tự học - Thảo luận nhóm	Quan sát
CLO3.1	C3	<i>Phân tích</i> được bối cảnh kinh tế - xã hội và các chính sách, chủ trương của Nhà nước liên quan đến khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo.	Thảo luận nhóm	Bài tập nhóm
CLO3.2	C3	<i>Hình thành</i> ý tưởng khởi nghiệp và ý tưởng thiết kế nội dung liên quan đến khởi nghiệp trong môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật ở bậc THPT.	Thảo luận nhóm	Tự luận

37.4. POL30047: Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật

Mô tả học phần: Học phần Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc nhóm các học phần tự chọn của chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục Chính trị. Đây là học phần giúp sinh viên hình thành, rèn luyện các kỹ năng giải thích, tuyên truyền kiến thức pháp luật cho nhiều đối tượng trong xã hội, cũng như kỹ năng giáo dục những nội dung liên quan đến pháp luật trong môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông. Học phần hướng đến trau dồi các kỹ năng nghề nghiệp và giao tiếp, hợp tác để có thể phổ biến, giáo dục về pháp luật cho học sinh phổ thông.

Mục tiêu học phần: Học phần Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị nhiều kiến thức liên quan đến vấn đề phổ biến, tuyên truyền, giải thích pháp luật cho các đối tượng xã hội khác nhau, cũng như hiểu biết kỹ năng giáo dục cần thiết để có thể tiến hành giảng dạy tri thức pháp luật một cách hiệu quả cho học sinh ở các trường phổ thông. Học phần cũng nhằm rèn luyện, trau dồi những kỹ năng nghề nghiệp như nắm bắt đặc điểm và tâm lý của đối tượng, kỹ năng thu hút sự chú ý của người nghe, kỹ năng phân tích, diễn giải pháp luật; các kỹ năng giao tiếp, hợp tác; kỹ năng sử dụng công nghệ cho sinh viên trong phổ biến, giáo dục pháp luật.

Chuẩn đầu ra học phần:

CĐR học phần (CLO)	TĐNL CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Áp dụng kiến thức cơ bản, nâng cao về khoa học giáo dục	Lý thuyết	Đánh giá thường xuyên
CLO2.1	S3	Áp dụng kỹ năng sử dụng công nghệ trong phổ biến, giáo dục pháp luật (S3)	Lý thuyết, Thảo luận, Bài tập	<i>Bài tập, thảo luận, làm việc nhóm</i>
CLO2.2	S4	Áp dụng kỹ năng phân tích, diễn giải để rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh và xây dựng môi trường giáo dục	Lý thuyết, Thảo luận, Bài tập	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/ Câu hỏi tự luận/ Phiếu đánh giá
CLO3.1	S4	Thực hiện kỹ năng giao tiếp đa phương thức	Lý thuyết, Thảo luận, Bài tập	Quan sát/ vấn đáp, Bảng kiểm/ Rubric

37.5. POL30048: Phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và cộng đồng

Mô tả học phần: Phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và cộng đồng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Giáo dục chính trị. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò của nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục; nội dung và hình thức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong việc tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh; thiết kế các hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Mục tiêu học phần: Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, nâng cao về khoa học giáo dục. Đồng thời, hình thành cho sinh viên các kỹ năng: khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học, giáo dục; kỹ năng phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Sinh viên thực hiện được kỹ năng giao tiếp trong mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình học sinh và cộng đồng.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	Mức độ năng lực CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K3	Trình bày vai trò của nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO1.2	K3	Xác định nội dung và hình thức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh	Thuyết trình	Trắc nghiệm
CLO2.1	S3	Thể hiện kỹ năng khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong hoạt động dạy học	Tự học	Quan sát
CLO2.2	S4	Có khả năng thiết kế các hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.	Làm việc nhóm	Hồ sơ học phần
CLO3.1	S4	Thể hiện kỹ năng giao tiếp bằng lời nói trực tiếp, văn bản viết và đa phương tiện với gia đình học sinh và cộng đồng.	Nghiên cứu tình huống	Tự luận

38. POL31040: Thực tập Sư phạm và Đồ án tốt nghiệp

Mô tả học phần:

Học phần **Thực tập và đồ án tốt nghiệp** thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị ở phân kỳ 8, gồm 2 phần: Thực tập sư phạm ở trường phổ thông và Đồ án tốt nghiệp.

Phần 1: Thực tập sư phạm (TTSP) có khối lượng kiến thức là 5 tín chỉ, thực hiện trong thời gian 8 tuần học ở tại trường THPT tương ứng với các ngành đào tạo giáo viên. SV thực hành các kỹ năng nghề nghiệp theo "nhóm thực tập giảng dạy" gồm các sinh viên thuộc cùng một ngành đào tạo và "nhóm thực tập chủ nhiệm" gồm các sinh viên thực tập ở cùng một lớp phổ thông. Trong suốt thời gian thực tập SV là thành viên của trường THPT, được sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên phổ thông và sự quản lý toàn diện của Ban Chỉ đạo TTSP trường THPT.

Phần 2: Đồ án tốt nghiệp được thực hiện trong thời gian SV đi thực tập ở trường phổ thông với khối lượng học tập tương ứng 3 tín chỉ. SV được quyền đăng kí thực hiện đồ án tốt nghiệp theo nhóm hoặc cá nhân với sản phẩm là một công trình khoa học thể hiện năng lực nghiên cứu khoa học bộ môn Giáo dục kinh tế và pháp luật hoặc các vấn đề thể hiện năng lực thiết kế, triển khai vận hành kế hoạch giáo dục, dạy học môn học Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Mục tiêu học phần: Học phần Thực tập và đồ án tốt nghiệp giúp sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp trong thực tiễn phổ thông, có năng lực

đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn đáp ứng các chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị Sinh viên thể hiện năng lực phân tích bối cảnh, hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học môn học ở trường phổ thông và năng lực nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục Chính trị.

Chuẩn đầu ra học phần:

CDR học phần (CLO)	TĐNL CDR học phần	Mô tả CDR học phần	Hình thức tổ chức học tập	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành Giáo dục Chính trị trong việc thiết kế và triển khai các hoạt động dạy học và giáo dục môn học, nghiên cứu các vấn đề thuộc khoa học bộ môn.	Thực tập sư phạm Đồ án học phần	Đánh giá quan sát, Phiếu đánh giá
CLO2.1	S4	Vận dụng được kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề trong thực tiễn dạy học, nghiên cứu môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, ở trường phổ thông	Thực tập sư phạm Đồ án học phần	Bảng kiểm/rubrics Phiếu chấm
CLO2.2.	A4	Thể hiện được tác phong, đạo đức nhà giáo, trung thực, chuyên nghiệp thông qua các hoạt động dạy học và giáo dục	Thực tập sư phạm Đồ án học phần	Bảng kiểm/rubrics
CLO3.1.	S4	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp và hợp tác với học sinh, giáo viên phổ thông trong quá trình thực hành nghề nghiệp và thực hiện nghiên cứu các vấn đề dạy học bộ môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.	Thực tập sư phạm Đồ án học phần	Rubrics đánh giá thực tập
CLO4.1	C4	Phân tích được bối cảnh nhà trường, thực tế hoạt động dạy học Giáo dục kinh tế và pháp luật và phát hiện ra các vấn đề mâu thuẫn cần giải quyết trong dạy học bộ môn ở trường phổ thông.	Thực tập sư phạm Thực hiện đồ án	- Rubrics đánh giá thực tập - Đánh giá đồ án
CLO4.2	C4	Phát biểu được các ý tưởng nâng cao chất lượng hoạt động dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, ở trường phổ thông.	Thực tập sư phạm Thực hiện đồ án	- Rubrics đánh giá thực tập - Đánh giá đồ án
CLO4.3	C4	Thiết kế được kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, kế hoạch giáo dục và các giải pháp giải quyết vấn đề trong chuyên ngành Giáo dục Chính trị.	Thực tập sư phạm Thực hiện đồ án	- Rubrics đánh giá thực tập - Đánh giá đồ án
CLO4.4	C4	Triển khai được kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, kế hoạch giáo dục trong thực tế phổ thông và các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dạy học chuyên ngành Giáo dục Chính trị.	Thực tập sư phạm Thực hiện đồ án	- Rubrics đánh giá thực tập - Đánh giá đồ án
CLO4.5	C4	Thực hiện được các biện pháp cải tiến kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh	Thực tập sư phạm	- Rubrics đánh giá thực tập

	tế và pháp luật, kế hoạch giáo dục trong thực hành nghề nghiệp và trong báo cáo kết quả nghiên cứu.	Thực hiện đề án	Đánh giá đề án
--	---	-----------------	----------------

PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Các căn cứ

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Vinh được xây dựng dựa trên các căn cứ sau:

- Luật Giáo dục (2005); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (ngày 25/11/2009); Luật Giáo dục đại học (2012); Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 (ngày 19 tháng 11 năm 2018);

- Quyết định số 73/2005/QĐ-TTg ngày 04/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 37/2004/QH11 khóa IX, kì họp thứ 6 của Quốc hội về giáo dục;

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 21/11/2005 của Chính phủ về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020;

- Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 hợp nhất Quyết định về quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/04/2015 về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được, sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học và quy trình xây dựng thẩm định ban hành CTĐT trình độ đại học;

- Thông tư 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 ban hành Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập;

- Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và chương trình các môn học;

- Quyết định số /QĐ-ĐHV ngày của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Vinh;

- Quyết định số /QĐ-ĐHV ngày của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Mô hình đào tạo, chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và khối lượng kiến thức tối thiểu của chương trình đào tạo trình độ đại học khối ngành đào tạo giáo viên Trường Đại học Vinh.

- Tham khảo, đối sánh Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Chính trị của Trường Đại học: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế, http://dhsphue.edu.vn/media/db_html_cmp_010403/20170719075853_dcct-502.pdf; Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm TPHCM.

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục công dân, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, <https://hnue.edu.vn/Daotao/Khungchuongtrinh/tabid/426/frame/13/Default.aspx>.

2. Trách nhiệm của giảng viên và người học

Chương trình này là chương trình đào tạo theo tín chỉ. Vì vậy:

- Giảng viên phải không ngừng rèn luyện nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật những thành tựu mới nhất của khoa học hiện đại, những vấn đề lý luận và thực tiễn bức bách đang đặt ra liên quan đến môn học.

- Người học cần phát huy tinh thần tự giác, sáng tạo, tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu, xác định chương trình học tập; thường xuyên rèn luyện và phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự đặt vấn đề và tự giải quyết vấn đề...

Chương trình này được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình phải đảm bảo các yêu cầu:

- Định hướng về phương pháp giảng dạy:

Thực hiện thường xuyên phương châm “lấy người học làm trung tâm”; phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, sáng tạo của người học trong quá trình lĩnh hội tri thức và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Cụ thể là:

+ Tinh giản lí thuyết, gắn lí thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm,...

+ Ngoài việc giúp người học hiểu các kiến thức căn bản, nâng cao thì cần chú ý việc vận dụng các kiến thức đó vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

- Định hướng về cách đánh giá kết quả đào tạo:

+ Đánh giá thông qua thảo luận, thuyết trình, làm bài tập nhóm, góp ý kiến xây dựng bài trên lớp.

+ Thông qua thực hiện dự án học phần; thực tế, thực hành sư phạm;...

+ Đánh giá thông qua khâu tự học, tự nghiên cứu trên elearning trường Đại học Vinh, tự chuẩn bị ở nhà, các bài thực hành, tiểu luận.

PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

1. Đội ngũ giảng viên trong Khoa GDCT

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
1	Nguyễn Thái Sơn, 1969, Trưởng Khoa	Giảng viên cao cấp, PGS	Tiến sĩ, 2000 Việt Nam PGS, 2013 Việt Nam	- Triết học Mác - Lênin - Logic hình thức - Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật
2	Nguyễn Thị Diệp, 1969	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2003 Việt Nam	- Kinh tế chính trị - Kinh tế phát triển.
3	Hoàng Thị Nga, 1970	Giảng viên	Thạc sĩ, 2006 Việt Nam	- Chủ nghĩa xã hội khoa học - Nhập môn ngành sư phạm - Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp - Lý luận và phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật - Kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. - Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.
4	Phan Huy Chính, 1969	Giảng viên	Thạc sĩ, 2001 Việt Nam	- Triết học Mác - Lênin - Logic hình thức - Nghệ thuật học đại cương - Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật.
5	Nguyễn Thị Mỹ Hương, 1975	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2004 Việt Nam	- Kinh tế chính trị - Chuyên đề kinh tế chính trị. - Khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo - Hội nhập kinh tế quốc tế - Kinh tế phát triển.
6	Lê Thị Nam An, 1980	Giảng viên	Thạc sĩ, 2007 Việt Nam	- Triết học Mác - Lênin - Logic hình thức - Đạo đức học - Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật
7	Bùi Thị Cần, 1980, Phó trưởng khoa	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2007 Việt Nam Tiến sĩ 2018 Việt Nam	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh - Nhập môn ngành sư phạm - Phát triển Chương trình

				môn GDKT&PL - Văn hóa chính trị.
8	Nguyễn Thị Hải Yến, 1982	Giảng viên chính	Thạc sĩ 2008, tiến sĩ 2019	- Kinh tế chính trị - Chuyên đề kinh tế chính trị. - Kinh tế phát triển - Hội nhập kinh tế quốc tế.
9	Trần Cao Nguyên, 1982, Phó trưởng khoa	Giảng viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam Tiến sĩ 2017 Việt Nam	- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Chuyên đề lịch sử Đảng CSVN - Công tác Đảng và công tác đoàn thể.
10	Nguyễn Văn Sang, 1983	Giảng viên chính	Thạc sĩ 2011 Việt Nam Tiến sĩ, 2018 Việt Nam	- Triết học Mác - Lênin - Logic hình thức - Đạo đức học - Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật.
11	Trần Thị Hạnh, 1985	Giảng viên	Thạc sĩ 2013 Việt Nam	- Lịch sử Đảng CSVN - Chuyên đề lịch sử Đảng CSVN. - Công tác Đảng và công tác đoàn thể.
12	Nguyễn Thị Kim Thi, 1986	Giảng viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Nhập môn ngành sư phạm - Lý luận và phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật - Xây dựng KHDH môn Giáo dục kinh tế và pháp luật - Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.
13	Nguyễn Thị Kim Chi, 1992	Giảng viên	Thạc sĩ 2014 Việt Nam	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Nhập môn ngành sư phạm - Xây dựng KHDH môn Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.
14	Dương Thị Mai Hoa, 1988	Giảng viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	- Lịch sử Đảng CSVN - Chuyên đề lịch sử Đảng CSVN - Công tác Đảng và công tác đoàn thể
15	Phan Thị Nhuận, 1989	Giảng viên	Thạc sĩ, 2016 Việt Nam	- Lịch sử Đảng CSVN - Chuyên đề lịch sử Đảng CSVN - Công tác Đảng và công tác đoàn thể.

2. Đội ngũ giảng viên ngoài Khoa GDCT tham gia giảng dạy học phần trong chương trình đạo tạo ngành GDCT

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
1	Nguyễn Viết Quang, 1963, Phó Hiệu trưởng	Giảng viên cao cấp, PGS	Tiến sĩ, 2009 Việt Nam	- Triết học Mác - Lênin - Chuyên đề triết học - Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin.
2	Đình Thế Định, 1958	Giảng viên cao cấp, PGS	Tiến sĩ, 2003 Việt Nam	- CNXH khoa học - Chuyên đề CNXH khoa học - Hệ thống chính trị Việt Nam - Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin.
3	Phạm Thị Bình, 1971, Chủ tịch Công Đoàn Trường ĐHV	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	- Triết học Mác – Lênin - Phát triển Chương trình môn GDKT&PL - Kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.
4	Vũ Thị Phương Lê 1975, Trưởng Khoa	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	- CNXH khoa học - Chuyên đề CNXH khoa học - Hệ thống chính trị Việt Nam - Phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và cộng đồng.
5	Đình Trung Thành, 1970, Giám đốc TTGD TX	Giảng viên cao cấp, PGS	Thạc sĩ, 1996 Tiến sĩ, 2009 Phó GS	- Kinh tế chính trị - Chuyên đề kinh tế chính trị. - Khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo - Hội nhập kinh tế quốc tế - Giới thiệu tác phẩm Mác - Lênin.
6	Nguyễn Văn Trung, Trưởng Khoa	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2006 Việt Nam Tiến sĩ 2012 Việt Nam	- Lịch sử Đảng CSVN - Chuyên đề lịch sử Đảng CSVN - Công tác Đảng và công tác đoàn thể.
7	Trương Thị Phương Thảo, 1982	Giảng viên	Tiến sĩ, 2020 Việt Nam	- CNXH khoa học - Triết học Mác - Lênin.
8	Phan Văn Tuấn, 1983,	Giảng viên	Thạc sĩ, 2009 Việt Nam	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Chuyên đề tư tưởng Hồ

	Phó trưởng khoa		Tiến sĩ 2017 Việt Nam	Chí Minh - Nhà nước và pháp luật Việt Nam - Văn hóa chính trị.
9	Nguyễn Thị Lê Vinh, 1988	Giảng viên	Thạc sĩ, 2012	- CNXH khoa học - Hệ thống chính trị Việt Nam - Phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và cộng đồng.
10	Lê Thị Thanh Hiếu,	Giảng viên	Thạc sĩ, 2012 Việt Nam	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Văn hóa chính trị.
11	Phạm Thị Thúy Hồng, 1984	Giảng viên	Thạc sĩ 2009 Việt Nam	CNXH khoa học.

3. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy học phần chung trong chương trình đào tạo ngành GDCT

TT	Học phần	Số TC	Họ và tên/Học hàm, Học vị	Khoa/Viện
1	Nhập môn ngành sư phạm	3	- Nguyễn Thị Trang Thanh PGS.TS	Trường Sư phạm
			- Hoàng Tăng Đức Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Nhị PGS.TS	
			- Nguyễn Mạnh Hùng Tiến sĩ	
			- Nguyễn Tiến Dũng Tiến sĩ	
			- Võ Công Dũng Thạc sĩ	
2	Triết học Mác - Lênin	3	- Nguyễn Thái Sơn PGS.TS	Khoa GD chính trị
			- Trần Viết Quang PGS.TS	
			- Phạm Thị Bình Tiến sĩ	
			- Nguyễn Văn Sang Tiến sĩ	
			- Trương Phương Thảo Tiến sĩ	
			- Lê Thị Nam An Thạc sĩ	
			- Phan Huy Chính Thạc sĩ	
			3	

	Mác - Lênin		- Nguyễn Thị Mỹ Hương Thạc sĩ	
			- Đinh Trung Thành PGS.TS	
			- Nguyễn Thị Hải Yến Tiến sĩ	
4	Tâm lý học	3	- Dương Thị Thanh Thanh Tiến sĩ	Khoa Tâm lý-Giáo dục
			- Lê Thục Anh Tiến sĩ	
			- Dương Thị Linh Thạc sĩ	
			- Trần Hằng Ly Tiến sĩ	
			- Trần Mỹ Linh Thạc sĩ	
5	Tiếng Anh 1	3	- Vũ Thị Hà Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Lê Thị Tuyết Hạnh Tiến sĩ	
			- Lê Thái Bình Thạc sĩ	
			- Trần Thị Vân Anh Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Lành Thạc sĩ	
A	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (GDQP1)	(2)	- Trần Văn Thông Thạc sĩ	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh
			- Nguyễn Đình Lưu Thạc sĩ	
			- Lê Duy Hiếu Thạc sĩ	
			- Trần Văn Phú BA.	
			- Bùi Đức Công BA.	
			- Trần Văn Long Thạc sĩ	
			- Nguyễn Phong Quang BA.	
			- Nguyễn Minh Quyết Thạc sĩ	
B	Công tác quốc phòng và an ninh (GDQP 2)	(2)	- Trần Văn Thông Thạc sĩ	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh
			- Nguyễn Đình Lưu Thạc sĩ	
			- Lê Duy Hiếu Thạc sĩ	
			- Trần Văn Phú BA.	
			- Bùi Đức Công BA.	

			- Trần Văn Long Thạc sĩ	
			- Nguyễn Phong Quang BA.	
			- Nguyễn Minh Quyết Thạc sĩ	
C	Quân sự chung (GDQP3)	(2)	- Trần Văn Thông Thạc sĩ	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh
			- Nguyễn Đình Lưu Thạc sĩ	
			- Lê Duy Hiều Thạc sĩ	
			- Trần Văn Phú BA.	
			- Bùi Đức Công BA.	
			- Trần Văn Long Thạc sĩ	
			- Nguyễn Phong Quang BA.	
			- Nguyễn Minh Quyết Thạc sĩ	
D	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật (GDQP4)	(2)	- Phạm Tiến Dũng BA.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh
			- Nguyễn Hùng Cường BA.	
			- Nguyễn Ngọc Dũng BA.	
			- Nguyễn Thế Tiến Thạc sĩ	
			- Nguyễn Đình Phi Thạc sĩ	
			- Đan Quang Dũng Thạc sĩ	
			- Lưu Văn Mạnh BA.	
			- Đinh Thị Hải BA.	
E	Giáo dục thể chất	(5)	- Võ Văn Đăng Tiến sĩ	Khoa Giáo dục Thể chất
			- Lê Minh Hải Thạc sĩ	
			- Nguyễn Mạnh Hùng Tiến sĩ	
			- Châu Hồng Thắng Thạc sĩ	
			- Văn Đình Cường Tiến sĩ	
			- Đậu Thị Bình Hương Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Lài Thạc sĩ	

			- Đậu Bắc Sơn	Thạc sĩ	
			- Phan Sinh	Thạc sĩ	
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	- Đinh Thế Định	PGS.TS	Khoa GD chính trị
			- Vũ Thị Phương Lê	Tiến sĩ	
			- Phạm Thị Thúy Hồng	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Lê Vinh	Thạc sĩ	
			- Hoàng Thị Nga	Thạc sĩ	
7	Giáo dục học	4	- Nguyễn Thị Nhân	Tiến sĩ	Khoa Tâm lý-Giáo dục
			- Nguyễn Thị Hương	PGS.TS	
			- Phạm Minh Hùng	PGS.TS	
			- Nguyễn Như An	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Tiến sĩ	
			- Bùi Văn Hùng	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Trung Kiên	Thạc sĩ	
			- Bùi Thị Thùy Dương	Thạc sĩ	
8	Tiếng Anh 2	4	- Lê Thị Tuyết Hạnh	Tiến sĩ	Khoa SP Ngoại ngữ
			- Trần Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	
			- Hoàng Thị Chung	Thạc sĩ	
			- Phạm Th.Lương Giang	Thạc sĩ	
			- Ng. Thị Hồng Thắm	Thạc sĩ	
9	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	- Nguyễn Văn Trung	Tiến sĩ	Khoa GD chính trị
			- Trần Cao Nguyên	Tiến sĩ	
			- Trần Thị Hạnh	Thạc sĩ	
			- Phan Thị Nhuận	Thạc sĩ	
			- Dương Thị Mai Hoa	Thạc sĩ	
10	Ứng dụng ICT	4	- Trần Thị Kim Oanh	Tiến sĩ	Khoa Tin học

	trong giáo dục		- Trần Xuân Sang	Tiến sĩ	
			- Cao Thanh Sơn	Tiến sĩ	
			- Nguyễn Bùi Hậu	Thạc sĩ	
			- Phan Xuân Thiệu	Tiến sĩ	
			- Phạm Thị Hương	Tiến sĩ	
11	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	- Bùi Thị Cần	Tiến sĩ	Khoa GD Chính trị
			- Phan Văn Tuấn	Tiến sĩ	
			- Hoàng Thị Nga	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Kim Chi	Thạc sĩ	
			- Nguyễn Thị Kim Thi	Thạc sĩ	
			- Lê Thị Thanh Hiều	Thạc sĩ	

PHỤ LỤC 2

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Trường Đại học Vinh đã trang bị tương đối đầy đủ các phòng học và trang thiết bị dạy học, giáo dục gồm có:

- 01 Hội trường A với sức chứa hơn 800 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- Hơn 10 Giảng đường với sức chứa lớn, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lí thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm. Nhà trường đã có hệ thống phòng học trên 200 phòng (156 phòng học nhà cao tầng, 46

phòng học cấp 4 đã được nâng cấp) với tổng diện tích 15.723 m² sử dụng. Bình quân 1 ca học bố trí được 13.000 chỗ ngồi với diện tích sử dụng bình quân là 2 m²/1 ca (chưa kể diện tích học tập tại phòng thí nghiệm, thực hành, ký túc xá,...).

- Nhiều phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin. Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân. Hầu hết các phòng học lí thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy vi tính, projector, màn chiếu hiện đại/bảng tương tác.

- Tài liệu, cơ sở dữ liệu: Các tài liệu phục vụ cho quá trình giảng dạy học tập có trên hệ thống Thư viện của Trường. Một số giáo trình, tài liệu tham khảo chuyên ngành được lưu trữ tại tủ sách của Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm – Trường Đại học Vinh.

- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao - y tế, gồm có: 1 nhà tập đa chức năng đúng tiêu chuẩn, 4 sân bóng chuyền, 1 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn, một nơi sinh hoạt cho câu lạc bộ tennis, và nhiều vị trí đặt bàn bóng bàn phục vụ cho cán bộ, sinh viên với tổng diện tích 13.496m²; trạm Y tế với 8 phòng khám, điều trị với tổng diện tích 240 m²; sân khấu trong nhà với 450 chỗ ngồi, 1 sân khấu ngoài trời có khả năng bố trí 3000 chỗ ngồi đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

Hệ thống phòng làm việc cho khối hành chính được xây dựng đầy đủ, đúng tiêu chuẩn, trang bị thiết bị và phương tiện làm việc đúng theo yêu cầu quy định. Theo cơ cấu tổ chức hiện nay Trường Đại học Vinh có 43 đơn vị hành chính (phòng, ban, văn phòng khoa, trung tâm, viện,...). Trường bố trí làm việc tại 74 phòng làm việc với tổng diện tích 2.991 m²; 4 phòng họp, phòng hội thảo quốc tế với tổng diện tích 515 m². Ký túc xá sinh viên của Trường có 3 nhà 5 tầng với tổng 168 phòng ở với tổng diện tích 5.040 m² sử dụng có khả năng đáp ứng khoảng 1104 chỗ ở với diện tích bình quân 3,2 m²/ 1 chỗ ở. Toàn bộ nhà ký túc xá sinh viên là nhà kiên cố, khép kín, đảm bảo điện, nước; riêng các phòng dành cho chuyên gia, lưu học sinh đều có lắp máy điều hoà nhiệt độ, tắm nóng lạnh, tivi và các trang bị nội thất tốt, phù hợp. Khuôn viên khu ký túc xá đẹp, rộng rãi, có hệ thống căng tin, nhà ăn tập thể, gần sát sân vận động,... Một số phòng được bố trí làm câu lạc bộ cho sinh viên. iện tại, Trường đang sử dụng định mức nơi ở như sau: sinh viên Việt Nam: 8 sinh viên/1 phòng, lưu học sinh nước ngoài: 4 sinh viên/1 phòng, học viên sau đại học nước ngoài: 2 học viên/1 phòng.

Với sự đầu tư bằng kinh phí Nhà nước và vốn tự có của Nhà trường, các phòng học được trang bị đủ tiêu chuẩn chiếu sáng, bàn ghế, bảng chống lóa đúng

tiêu chuẩn và cùng nhiều trang thiết bị điện tử khác. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy, học và đào tạo theo tín chỉ, đến nay, Trường đã có khả năng đáp ứng nhu cầu giảng dạy bằng bài giảng điện tử trên quy mô lớn (ngoài 44 phòng có hỗ trợ bằng thiết bị nghe nhìn, các khoa còn có 5 - 7 bộ thiết bị di động phục vụ khi có nhu cầu). Hệ thống thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành. Hệ thống phòng học, giảng đường đạt tiêu chuẩn đã và đang được xây dựng; hệ thống phòng thí nghiệm, thư viện đang được hoàn chỉnh, hiện đại hóa; cơ sở hạ tầng được cải tạo, nâng cấp. Nhà Trường đang từng bước tăng cường trang bị cơ sở vật chất hiện đại để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên, học viên ngày càng chất lượng và hiệu quả hơn.

MA TRẬN PHÂN NHIỆM CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (CÓ FILE EXCEL KÈM THEO)

P. TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Thị Cần